

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 270 /BC-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Nghiên cứu, sửa đổi toàn diện đối với dự án Luật Quản lý thuế

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Chức vụ: Ngày: 26/4/2025

Kính gửi:

- Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị yêu cầu sửa đổi tổng thể Luật Quản lý thuế; Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 về Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV (trong đó điểm 1 Nghị quyết đã giao Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 theo kết luận của Bộ Chính trị, các nghị quyết của Quốc hội và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), triển khai Công văn số 02/CP-QHĐP ngày 02/01/2025 của Chính phủ về việc đề xuất và chuẩn bị các nội dung Kỳ họp thứ 9 và Kỳ họp bất thường lần thứ 9 Quốc hội khóa XV, Công văn số 1244/UBTVQH15-TH ngày 04/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triệu tập Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV kèm theo Dự kiến nội dung Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV “7. Báo cáo của Chính phủ về: ...Việc nghiên cứu, sửa đổi toàn diện các dự án Luật Kế toán, Luật Quản lý thuế” (tại Mục C. Các báo cáo gửi đại biểu tự nghiên cứu), Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả nghiên cứu sửa đổi toàn diện đối với dự án Luật Quản lý thuế (Luật QLT) như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU, RÀ SOÁT

1. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019, thay thế Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và các luật sửa đổi, bổ sung (Luật số 21/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 106/2016/QH13). Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (Luật QLT năm 2019) gồm 17 chương, 152 điều quy định: về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý thuế; Đăng ký thuế; Khai thuế; tính thuế; Ấn định thuế; Nộp thuế; Thủ tục hoàn thuế; Không thu thuế, miễn thuế, giảm thuế, khoan tiền thuế nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; Áp dụng hóa đơn, chứng từ điện tử; Thông tin người nộp thuế; Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, làm thủ tục hải quan; Kiểm tra thuế, thanh tra thuế; Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế; Xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế; Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện.

Qua gần 5 năm thực hiện, Luật QLT năm 2019 đã góp phần quan trọng trong việc tăng cường tính minh bạch, đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo vệ quyền lợi người nộp thuế. Luật đã tạo hành lang pháp lý vững chắc cho công tác quản lý thuế, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, tăng thu ngân sách nhà nước và đảm bảo công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Luật QLT năm 2019 đã tạo hành lang pháp lý vững chắc để triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ thiết thực cho người nộp thuế, thể hiện tư duy đổi mới trong quản lý thuế mà còn khẳng định cam kết của Nhà nước trong việc xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch và hiệu quả.

Trên cơ sở thực hiện đồng thời các nhiệm vụ tổng kết thi hành và nghiên cứu, rà soát đối với Luật QLT năm 2019, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật QLT năm 2019 và ngày 29/11/2024, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XV đã thông qua Luật số 56/2024/QH15, theo đó tại Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung **14 Điều¹** là những nội dung mang tính cấp bách để thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô.

Qua quá trình rà soát Luật QLT năm 2019, Chính phủ nhận thấy trong 05 năm qua, Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách mới như khuyến khích đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị...; đồng thời nền kinh tế có nhiều biến động, Luật QLT năm 2019 đã bộc lộ một số hạn chế nhất định. Vì vậy, để đảm bảo mục tiêu cải cách thể chế một cách toàn diện, khơi thông các điểm nghẽn, góp phần vào việc phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần thiết phải tiến hành nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật QLT năm 2019.

2. Quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, rà soát

Triển khai nhiệm vụ nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật QLT năm 2019, Bộ Tài chính đã thực hiện các hoạt động sau:

(1) Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật QLT năm 2019 và các văn bản có liên quan như Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế xuất nhập khẩu, Luật Hải quan, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Chứng khoán, Luật Giao dịch điện tử, Luật Đất đai, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Thanh tra....

(2) Tổng hợp kiến nghị vướng mắc từ các nguồn khác nhau (tổng kết thi hành Luật QLT năm 2019, các phản ánh kiến nghị từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các hiệp hội, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Luật QLT năm 2019).

(3) Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Quản lý thuế, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế; lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật QLT (thay thế) gửi xin ý kiến các Bộ ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành

¹ sửa đổi, bổ sung: khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 11, khoản 8 Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 4 Điều 42, khoản 1 Điều 47, khoản 2b Điều 59, khoản 2 Điều 61, khoản 1 Điều 66, khoản 1 Điều 72, khoản 1 Điều 76, khoản 3 Điều 125 và bãi bỏ một số khoản tại một số điều: khoản 2, khoản 3 Điều 47, khoản 3 Điều 75, khoản 7 Điều 124

phổ trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, cơ quan có liên quan, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài chính để xin ý kiến rộng rãi tổ chức, cá nhân (theo công văn số 2811/BTC-CT ngày 10/3/2025). Tính đến hết ngày **21/4/2025**, Bộ Tài chính đã nhận được **54** văn bản, trong đó: (1) *Các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có ý kiến nhất trí hoàn toàn (29/54)* gồm: *các Bộ ngành, tổ chức*: Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và đào tạo, Đài tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Y tế; *UBND các tỉnh, thành phố*: Bắc Giang, Lai Châu, Quảng Ngãi, Điện Biên, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bình Dương, Sơn La, Đắk Nông, Yên Bái, Thái Bình, Bắc Kạn, Trà Vinh, Long An, Hòa Bình, Kon Tum, Đồng Tháp, Lào Cai, Hậu Giang, Khánh Hòa, Ninh Bình, Bình Phước, Bình Thuận. (2) *Các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức nhất trí và có ý kiến sửa đổi, bổ sung (25/54)* gồm: *các Bộ ngành, tổ chức*: Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ KH&CN, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ công thương, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Chi cục Hải quan Khu vực II, Chi cục Thuế Khu vực I; Cục Hải quan; Đài THVN; Thanh tra Chính phủ; Bộ Ngoại giao; Ngân hàng Nhà nước, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; *UBND các tỉnh, thành phố*: Bình Định, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Quảng Ninh, Hà Nam, Đà Nẵng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Nghệ An.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, RÀ SOÁT

1. Đánh giá kết quả đạt được trong thi hành Luật QLT năm 2019

1.1. Đánh giá chung

Luật QLT năm 2019 đã được xây dựng với tầm nhìn chiến lược, bám sát các định hướng then chốt của Đảng và Nhà nước về cơ cấu lại ngân sách và đảm bảo nền tài chính quốc gia bền vững. Luật QLT năm 2019 không chỉ hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020-2025 mà còn thể hiện rõ cam kết của Chính phủ trong việc hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Đặc biệt, Luật đã cụ thể hóa Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với mục tiêu xây dựng ngành thuế hiện đại, tinh gọn và hiệu quả, trong đó lấy nền tảng thuế điện tử làm trọng tâm.

Về tác động thực tiễn, Luật đã tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc tháo gỡ khó khăn và khuyến khích đầu tư kinh doanh. Điểm nổi bật là Luật đã góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách thủ tục hành chính. Từ đó góp phần thực hiện thành công các giải pháp chủ yếu về chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Luật QLT năm 2019 đã đưa ra khuôn khổ cải cách khá toàn diện với 10 nhóm chính sách then chốt: (1) các quy định nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế, chống xói mòn cơ sở tính thuế; (2) quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết để phòng chống chuyển giá; (3) quy định về hoá đơn, chứng từ điện tử và cải cách công tác quản lý thuế đối với

hộ kinh doanh theo hướng hiện đại, tăng cường tính minh bạch và vai trò của chính quyền địa phương; (4) quy định về quản lý thuế theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp quản lý rủi ro; (5) quy định về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; (6) quy định quản lý thuế đối với các ngành đặc thù; (7) quy định về bảo vệ quyền lợi người nộp thuế; (8) quy định về chế tài trong công tác quản lý thuế; (9) các quy định về hoàn thuế và (10) các quy định khác về quản lý thuế.

Tại Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung 14 Điều của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 là những nội dung cấp bách nhằm tháo gỡ vướng mắc về cơ chế chính sách, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý thuế, tăng cường trách nhiệm công vụ để đảm bảo công bằng, bình đẳng, minh bạch, thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật (gồm các quy định về thẩm quyền quyết định hoàn thuế; nguyên tắc quản lý thuế; mức tiền phải trả lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh; biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế; quy tắc xác định thời gian tính tiền chậm nộp); nguyên tắc khai thuế, khai bổ sung hồ sơ khai thuế, tính thuế nhằm mở rộng cơ sở thu, đảm bảo công bằng, bình đẳng trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số; quy định về hiện đại hóa công tác quản lý thuế, đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số, hóa đơn điện tử tạo động lực tăng trưởng kinh tế.

Để triển khai Luật QLT năm 2019 và Luật số 56/2024/QH15, Chính phủ đã ban hành 09 Nghị định² và Bộ Tài chính đã ban hành 12 Thông tư³ hướng dẫn.

² (1) Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; (2) Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ; (3) Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; (4) Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; (5) Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (6) Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; (7) Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (8) Nghị định số 49/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 quy định ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh; (9) Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ.

³ (1) Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; (2) Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế; (3) Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế; (4) Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; (5) Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/3/2021 hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá; (6) Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế; (7) Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (8) Thông tư số 45/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 hướng dẫn việc áp dụng cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (9) Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; (10) Thông tư số 100/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (11) Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/1/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; (12) Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 quy định về đăng ký thuế.

Tuy nhiên, với sự đổi mới trong chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, sự chuyển mình mạnh mẽ của đất nước và cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư và bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện Luật QLT. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số với các mô hình kinh doanh mới như thương mại điện tử xuyên biên giới, nền tảng số đòi hỏi phải có cơ chế quản lý thuế phù hợp. Yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản, tinh gọn bộ máy và chuyển đổi số trong quản lý thuế ngày càng trở nên cấp bách. Đồng thời, qua thực tiễn triển khai, Luật QLT năm 2019 vẫn còn một số vấn đề cần được giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thu ngân sách, chống thất thu thuế, đảm bảo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong giai đoạn tới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bối cảnh quốc tế ngày càng thay đổi nhanh chóng.

1.2. Đánh giá việc thực hiện một số quy định cụ thể trong Luật QLT năm 2019

Luật QLT năm 2019 đã đạt được 05 kết quả nổi bật, cụ thể như sau:

1.2.1. Nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp và người nộp thuế

Luật QLT năm 2019 đã tạo bước đột phá trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua việc giảm bớt các giấy tờ và quy trình kê khai, nộp thuế. Người nộp thuế có thể dễ dàng thực hiện nghĩa vụ thuế với thời gian kê khai giảm xuống còn dưới 100 giờ/năm, tương đương với mức trung bình của các nước ASEAN-4. Đặc biệt, việc khuyến khích sử dụng phương thức điện tử trong quản lý thuế như hóa đơn điện tử, kê khai và nộp thuế online đã tạo thuận lợi và giảm đáng kể chi phí cho doanh nghiệp.

Cơ quan thuế đã không ngừng đa dạng hóa và hiện đại hóa các kênh tương tác với người nộp thuế. Bên cạnh các phương thức truyền thống, ngành thuế đã tích cực triển khai các nền tảng số như video clip hướng dẫn, bản tin trên các mạng xã hội (Zalo, Facebook, Youtube, Tiktok). Điểm nhấn trong năm 2024 là việc ra mắt ứng dụng Chatbot AI – “Trợ lý ảo hỗ trợ người nộp thuế” vào ngày 21/11/2024. Ứng dụng này đã thu hút 4,5 nghìn người đăng ký sử dụng và giải đáp được 29,9 nghìn câu hỏi, thể hiện hiệu quả trong việc hỗ trợ người nộp thuế.

Kết quả khảo sát năm 2024 cho thấy mức độ hài lòng của người nộp thuế đạt 88,3%, được tính từ điểm trung bình của điểm đánh giá chung và trung bình của điểm theo lĩnh vực chức năng⁴, tiệm cận mục tiêu 90% đề ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030. Con số này dựa trên 441.974 phiếu phản hồi, chiếm 13,9% trên tổng số doanh nghiệp, hộ cá nhân kinh doanh do cơ quan thuế đang quản lý⁵, phản ánh nỗ lực không ngừng của ngành thuế trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người nộp thuế.

⁴ Điểm đánh giá hài lòng chung về CQT: 89,1%. Điểm chỉ số hài lòng trung bình của 64 Cục Thuế theo lĩnh vực chức năng: 87,5% (trong đó, Công tác xây dựng CS, pháp luật thuế: 87,4%, Cung cấp dịch vụ công: 87,8%, Tiếp nhận giải quyết TTHC thuế: 87,8%, Công tác thanh tra kiểm tra thuế: 87,2%, Công tác xử lý KNTC: 87,5%).

⁵ Trong đó, DN, tổ chức chiếm tỷ lệ 57,4%, Hộ, CNKD chiếm tỷ lệ 42,6% tổng số NNT tham gia đánh giá.

1.2.2 Tăng cường bảo vệ quyền lợi người nộp thuế

Luật Quản lý thuế đã thiết lập một khung pháp lý toàn diện để bảo vệ quyền lợi người nộp thuế. Theo đó, người nộp thuế được quyền yêu cầu cơ quan thuế giải thích và cung cấp thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế của họ. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch trong quản lý thuế và tạo điều kiện cho người nộp thuế hiểu rõ về trách nhiệm của mình.

Một điểm đột phá quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi người nộp thuế là quy định về miễn xử phạt vi phạm và miễn tính tiền chậm nộp. Luật cũng quy định rõ về quyền được bảo mật thông tin của người nộp thuế. Trong những trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc gặp khó khăn đặc biệt khác thì sẽ được xem xét gia hạn nộp thuế, giảm thuế hoặc miễn thuế. Điều này đã được thể hiện rõ qua việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn đại dịch Covid-19, giúp doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn.

1.2.3. Hiện đại hóa công tác quản lý và giám sát thuế

Một trong những thành tựu quan trọng của Luật Quản lý thuế là việc mở rộng phạm vi quản lý thuế, không chỉ với các thuế nội địa mà còn bao gồm cả các giao dịch xuyên biên giới, thương mại điện tử và các giao dịch quốc tế. Điều này tạo hành lang pháp lý vững chắc để quản lý toàn diện các hoạt động kinh tế trong bối cảnh số hóa và hội nhập.

Thành công nổi bật trong công tác hiện đại hóa quản lý thuế trong giai đoạn vừa qua là việc triển khai hệ thống hóa đơn điện tử toàn quốc từ tháng 7 năm 2022. Tính đến nay, hệ thống đã ghi nhận hơn 11,48 tỷ hóa đơn điện tử, trong đó có 2,76 tỷ hóa đơn có mã và 7,45 tỷ hóa đơn không mã. Việc số hóa hóa đơn không chỉ giúp giảm thời gian kê khai mà còn tăng tính minh bạch của các giao dịch, góp phần hạn chế gian lận thuế.

Đặc biệt, Luật QLT năm 2019 đã tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý thuế. Sự phối hợp chặt chẽ này tạo nên một mạng lưới thông tin và giám sát thuế toàn diện và hiệu quả.

Bộ Tài chính cũng đã chú trọng phát triển các giải pháp công nghệ để quản lý hoạt động thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng số. Điển hình là việc vận hành Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài được khai trương vào ngày 21/3/2022. Tính đến tháng 3 năm 2025, tổng số tiền thuế thu được thông qua Cổng này khoảng 11.478 tỷ đồng trong đó năm 2024 là 8,687 tỷ đồng, hơn 2 tháng đầu năm 2025 là 2.791 tỷ đồng. Đến ngày 19/12/2024, ngành Thuế tiếp tục ra mắt Cổng thông tin điện tử dành riêng cho hộ, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử, tích hợp đầy đủ các chức năng từ đăng ký thuế đến kê khai, nộp thuế và tra cứu.

Những nỗ lực hiện đại hóa này đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế, tạo môi trường kinh doanh minh bạch và thuận lợi cho người nộp thuế, đồng thời đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước. Đây là nền tảng quan trọng để ngành thuế tiếp tục phát triển theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại hơn trong tương lai.

1.2.4. Nâng cao hiệu quả thu ngân sách và chống thất thu

Thu ngân sách từ thuế đã thể hiện sự tăng trưởng ổn định và vượt dự toán qua các năm. Từ mức đạt 1.539 nghìn tỷ đồng năm 2020 (đạt 87,7% dự toán), thu ngân sách đã tăng lên 1.591 nghìn tỷ đồng năm 2021 (vượt 17,2% dự toán), 1.803,6 nghìn tỷ đồng năm 2022 (vượt 27,8% dự toán), và 1.752,5 nghìn tỷ đồng năm 2023 (vượt 8,1% dự toán). Đặc biệt năm 2024, tổng thu ngân sách đạt mức cao nhất với 2.037,5 tỷ đồng, tăng 19,8% so với dự toán, trong đó riêng thu do cơ quan thuế quản lý đạt 1.732.000 tỷ đồng, vượt 16,5% dự toán và tăng 13,7% so với năm 2023.

Công tác thanh tra, kiểm tra thuế đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc chống thất thu. Năm 2024, tổng số tiền kiến nghị xử lý qua thanh tra, kiểm tra là 62.726 tỷ đồng, trong đó tổng số thuế tăng thu qua thanh tra, kiểm tra là 16.463 tỷ đồng; giảm khấu trừ 2.675 tỷ; giảm lỗ 43.587 tỷ. Riêng đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, cơ quan thuế đã thanh tra, kiểm tra 711 doanh nghiệp, qua đó truy thu, truy hoàn và phạt 1.675 tỷ đồng, giảm lỗ 8.590 tỷ đồng, giảm khấu trừ 57,4 tỷ đồng và điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế 4.983 tỷ đồng.

Công tác quản lý và thu hồi nợ thuế cũng đạt hiệu quả cao nhờ ứng dụng công nghệ thông tin. Cơ quan thuế đã xây dựng và nâng cấp các ứng dụng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, tự động hóa việc thông báo nợ và quyết định cưỡng chế thông qua phương thức điện tử. Kết quả thu hồi nợ thuế đã tăng mạnh từ 41.557 tỷ đồng năm 2023 lên 61.227 tỷ đồng năm 2024, tăng 33,2% so với cùng kỳ.

Đặc biệt, việc kiểm soát thuế trong lĩnh vực thương mại điện tử đã có bước tiến quan trọng. Thông qua Cổng thông tin thương mại điện tử, cơ quan thuế đã tiếp nhận thông tin từ 439 sàn giao dịch với gần 725 nghìn tổ chức, cá nhân kinh doanh, tổng giá trị giao dịch đạt hơn 75 nghìn tỷ đồng. Việc triển khai Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử với 5 chức năng chính (đăng nhập, đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế, tra cứu) đã tạo thêm kênh hỗ trợ thuận lợi cho người nộp thuế, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý thuế trong lĩnh vực này.

1.2.5. Thúc đẩy hội nhập quốc tế

Luật QLT năm 2019 đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hội nhập quốc tế của thuế Việt Nam thông qua việc xây dựng khung pháp lý phù hợp với cam kết quốc tế. Điều này đã giúp hình thành hệ thống quản lý thuế đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường khả năng chống trốn thuế, chuyển giá và gian lận thuế xuyên biên giới.

Những nỗ lực hội nhập quốc tế này không chỉ nâng cao năng lực quản lý thuế của Việt Nam mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của ngành thuế trong việc xây dựng một hệ thống thuế hiện đại, minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế. Điều này góp phần quan trọng trong việc tạo môi trường đầu tư thuận lợi và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Về bất cập, hạn chế và nguyên nhân của bất cập, hạn chế

2.1. Về bất cập, hạn chế

Qua tổng kết, đánh giá, nghiên cứu, rà soát, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế nhất định, tập trung vào một số vấn đề lớn như sau:

2.2.1. Bất cập trong khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ

Khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ của Luật QLT năm 2019 đang bộc lộ nhiều điểm nghẽn đáng quan ngại, thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính. *Nhóm thứ nhất*, liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế do chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế và hợp đồng hợp tác kinh doanh. *Nhóm thứ hai*, tập trung vào quy trình nộp thuế và ấn định thuế, trong đó nổi cộm là những bất cập về thời hạn nộp thuế, xử lý chậm nộp, và đặc biệt là việc ấn định thuế đối với người nước ngoài đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân. *Nhóm thứ ba*, liên quan đến công tác hoàn thuế và quản lý chứng từ, hệ thống phân loại hồ sơ hoàn thuế hiện tại chưa tương thích với ứng dụng tự động, trong khi quy định về quản lý hóa đơn còn vướng mắc ở nhiều khía cạnh như thời điểm lập hóa đơn và áp dụng hóa đơn điện tử. Đáng chú ý, công tác kiểm tra và thanh tra thuế cũng đang gặp nhiều trở ngại, điển hình là việc thiếu chế tài xử phạt đối với doanh nghiệp không ký xác nhận số liệu, cũng như hạn chế trong phân tích rủi ro hồ sơ khai thuế trên hệ thống thanh tra thuế (TTR). Những bất cập này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế mà còn tạo ra những điểm mờ trong việc thực thi pháp luật, đòi hỏi cần có những điều chỉnh kịp thời và toàn diện.

2.2.2. Chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế số

Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế số đã tạo ra những thách thức lớn mà khung pháp lý hiện hành của Luật QLT năm 2019 chưa thể bắt kịp và điều chỉnh hiệu quả. Đặc biệt trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới bùng nổ, việc thiếu vắng các công cụ pháp lý phù hợp để quản lý doanh thu và thu thuế từ các nền tảng số, sàn giao dịch trực tuyến đang trở thành điểm nghẽn đáng kể. Mặt khác, việc Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đòi hỏi phải có những điều chỉnh căn bản trong cơ chế quản lý thuế. Những điều chỉnh này cần đảm bảo vừa tuân thủ các cam kết quốc tế, vừa tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời vẫn phải đảm bảo được tính công bằng trong cạnh tranh thương mại và không để thất thu ngân sách nhà nước.

2.2.3. Hạn chế trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số

Hệ thống pháp lý hiện hành chưa tạo hành lang đầy đủ cho việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, đánh giá và quản lý rủi ro thuế. Điều này khiến cơ quan thuế gặp khó khăn trong việc khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu khổng lồ về người nộp thuế để phục vụ công tác quản lý. Khung pháp lý cho quản lý thuế điện tử toàn diện còn thiếu và chưa đồng bộ, đặc biệt trong các khâu như kê khai, nộp thuế, hoàn thuế và hóa đơn điện tử. Hệ quả là việc số hóa quy trình nghiệp vụ diễn ra manh mún, thiếu tính liên thông và chưa tạo được đột phá trong cải cách thủ tục hành chính.

thuế. Tốc độ chuyển đổi số của ngành thuế Việt Nam đang chưa theo kịp các nước (xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng). Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế mà còn làm giảm năng lực cạnh tranh của môi trường kinh doanh Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2.2.4. Hạn chế trong kiểm soát gian lận

Thực trạng gian lận và trốn thuế đang diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Các hành vi vi phạm không chỉ dừng lại ở việc kê khai sai lệch, giấu doanh thu hay lập hóa đơn không đơn thuần, mà đã phát triển thành các thủ đoạn có tổ chức với quy mô lớn, liên quan đến nhiều chủ thể và địa bàn khác nhau mà tình trạng gian lận trong các giao dịch xuyên biên giới, nơi kẽ hở về cơ chế giám sát và sự khác biệt giữa các hệ thống thuế quốc gia tạo điều kiện cho hành vi trốn thuế. Các doanh nghiệp đa quốc gia thường lợi dụng việc chuyển giá, phân bổ lợi nhuận và các giao dịch phức tạp giữa các công ty liên kết để tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế. Trong khi đó, công cụ và năng lực giám sát của cơ quan thuế còn hạn chế, thiếu cơ chế trao đổi thông tin tự động với các nước, cũng như thiếu các giải pháp công nghệ hiện đại để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận. Điều này đòi hỏi cần có sự đổi mới toàn diện trong cả khung pháp lý và công cụ quản lý để tăng cường hiệu quả kiểm soát gian lận thuế.

2.2.5. Chậm đổi mới theo xu hướng quốc tế

Điều này thể hiện qua ba khía cạnh chính: *Thứ nhất*, hệ thống quản lý thuế điện tử chưa được phát triển đồng bộ và toàn diện từ khâu kê khai, nộp thuế đến hoàn thuế trực tuyến, dẫn đến chi phí quản lý cao và thiếu minh bạch trong quy trình thực hiện. *Thứ hai*, việc ứng dụng công nghệ trong phân tích và cảnh báo sớm các hành vi bất thường trong giao dịch tài chính và kê khai thuế còn hạn chế, làm giảm hiệu quả công tác quản lý rủi ro. *Thứ ba*, cơ quan thuế chưa xây dựng được nền tảng trực tuyến đủ thân thiện và tiện dụng để khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ, trong khi đây đang là xu hướng được các nước chú trọng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế và tạo thuận lợi tối đa cho người nộp thuế.

2.3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

2.3.1. Bối cảnh kinh tế và thương mại

Sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu do tác động kép từ đại dịch Covid-19 và xung đột Nga-Ukraine đã ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Điều này trực tiếp làm suy giảm khả năng tài chính và thu nhập của doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước. Xu hướng toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng cùng với sự phát triển của công nghệ số đã làm thay đổi căn bản cấu trúc hoạt động của các doanh nghiệp. Các mô hình kinh doanh mới liên tục xuất hiện, đặc biệt là hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới và các giao dịch chuyển giá trong tập đoàn đa quốc gia. Những thay đổi này tạo ra những thách thức chưa có tiền lệ trong công tác quản lý thuế, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở hầu hết các quốc gia

trên thế giới. Trong khi đó, khả năng dự báo và ứng phó của các cơ quan quản lý còn hạn chế, chưa theo kịp tốc độ biến đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh, dẫn đến những khoảng trống trong quản lý thuế đối với các hoạt động kinh tế mới phát sinh.

2.3.2. Hệ thống pháp lý và thực thi

Hệ thống pháp lý và thực thi trong quản lý thuế đang bộc lộ những điểm yếu cốt lõi cần được giải quyết. Trước hết, tính thiếu đồng bộ giữa Luật Quản lý thuế với các văn bản pháp luật liên quan như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp đã tạo ra những khoảng trống trong quản lý. Điều này xuất phát từ việc phải liên tục điều chỉnh các quy định để theo kịp bối cảnh kinh tế mới, dẫn đến sự chồng chéo và thiếu nhất quán trong thực thi.

Đáng chú ý hơn, thẩm quyền hạn hẹp của cơ quan thuế trong công tác thanh tra, kiểm tra đang là rào cản lớn trong việc phát hiện và xử lý vi phạm. Cụ thể, cơ quan thuế không được phép tiến hành kiểm tra đột xuất tại trụ sở doanh nghiệp, không có quyền điều tra và thẩm vấn các đối tượng liên quan. Thay vào đó, họ phải tuân theo quy trình thông báo trước và chỉ được thanh tra theo kế hoạch định sẵn. Hạn chế này tạo cơ hội cho các đối tượng vi phạm có thời gian che giấu, xóa dấu vết và tiêu hủy chứng cứ.

Thêm vào đó, cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan điều tra còn nhiều bất cập. Khi phát hiện dấu hiệu tội phạm, quy trình chuyển hồ sơ giữa các cơ quan thường diễn ra chậm chạp, thiếu tính kết nối. Nhiều trường hợp hồ sơ tồn đọng do không được hồi báo hoặc hồi báo muộn, thậm chí khi chuyển trả về để xử lý hành chính thì đã quá thời hiệu. Hệ quả là hiệu quả răn đe trong xử lý vi phạm bị giảm sút đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực thực thi pháp luật thuế.

2.3.3. Năng lực quản lý và nguồn lực

Hạn chế nổi bật nhất là sự thiếu đồng bộ và chưa hoàn thiện của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan quản lý. Điều này không chỉ cản trở việc chia sẻ thông tin kịp thời mà còn làm giảm hiệu quả trong việc giám sát và quản lý người nộp thuế. Tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao - những người có khả năng thành thạo ngoại ngữ và am hiểu sâu về các vấn đề thuế quốc tế phức tạp như chuyển giá, thương mại điện tử.

3. Một số đề xuất định hướng sửa đổi toàn diện Luật Quản lý thuế

3.1. Mục tiêu, định hướng và yêu cầu đối với Luật Quản lý thuế sửa đổi

3.1.1. Mục tiêu

Mục tiêu nghiên cứu, sửa đổi toàn diện Luật Quản lý thuế nhằm: (1) Đẩy mạnh việc chuyển đổi số và hiện đại hóa việc quản lý thu thuế; (2) nâng cao năng lực quản lý thuế phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy mới theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; (3) Hoàn thiện và đồng bộ hóa khung pháp lý để giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực tiễn (4) Phù hợp với xu hướng cải cách thuế của các nước theo tổ chức quốc tế. (5) Đổi mới các nội dung và các điều luật theo hướng cải cách thủ tục hành chính; cải cách thủ tục quản lý thuế đơn giản, rõ ràng,

công khai, thuận tiện, thống nhất, đảm bảo phù hợp với chuẩn mực quốc tế, thực hiện quản lý thuế điện tử, tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước. (6) Nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan với cơ quan thuế trong việc thực hiện pháp luật về thuế và quản lý thuế.

3.1.2. Quan điểm, định hướng hoàn thiện Luật Quản lý Thuế

(1) Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số, hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế để nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế. Tái thiết kế quy trình quản lý thuế, tái cấu trúc xây dựng hệ thống công nghệ thông tin nhằm đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, tích hợp, xử lý dữ liệu tự động, ra quyết định tự động và phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả.

(2) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý thuế. Đơn giản hóa quy trình, thủ tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý thuế, nâng cao tính minh bạch; tăng cường kết nối dữ liệu liên thông giữa các bộ, ngành và chính quyền địa phương. Đơn giản hoá các thủ tục hành chính, rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thành phần hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế và thực hiện các giao dịch trong lĩnh vực thuế trên môi trường điện tử phù hợp với thông lệ quốc tế; lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ.

(3) Bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần đạt mục tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2026-2030.

(4) Thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện trên cơ sở phân loại mức độ tuân thủ pháp luật và mức độ rủi ro của người nộp thuế; Hoàn thiện các quy định nhằm áp dụng quản lý rủi ro xuyên suốt có hệ thống trong tất cả các nghiệp vụ quản lý thuế và hoàn thiện thể chế quản lý thuế trong một số lĩnh vực trọng yếu như: chống chuyển giá; hoạt động sản xuất kinh doanh mới phát sinh trong nền kinh tế, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh, giao dịch xuyên biên giới; đại lý thuế; việc trao đổi, cung cấp thông tin của người nộp thuế giữa cơ quan thuế với các cơ quan có liên quan.

(5) Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của Luật Quản lý thuế hiện hành; đồng thời, sửa đổi, bổ sung những quy định đang là vướng mắc, không còn phù hợp để kịp thời giải quyết những vấn đề bất cập phát sinh trong thực tế, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp cũng như yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quy định rõ ràng, dễ hiểu để xác định chính xác nghĩa vụ thuế của người nộp thuế nhằm đảm bảo công bằng.

(6) Những nội dung quan trọng về pháp luật quản lý thuế, đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh thông qua triển khai thực hiện tại các văn bản dưới

luật, có sự thống nhất cao thì cần đề xuất luật hóa để đảm bảo minh bạch và nâng cao cơ sở pháp lý cho việc thực hiện.

(7) Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, tuân thủ các Điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế tốt nhất, phù hợp với xu hướng phát triển, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; đồng thời tạo hành lang pháp lý cho việc tham gia các sáng kiến về thuế quốc tế.

(8) Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước và người nộp thuế. Xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế cũng như công chức thuế để đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong thực thi pháp luật. Đồng thời, bảo vệ công chức thuế trong phạm vi nhiệm vụ, thẩm quyền được giao nhằm tránh rủi ro pháp lý.

3.1.3. Yêu cầu đối với Luật Quản lý thuế sửa đổi

Luật Quản lý thuế sửa đổi cần được xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đảm bảo phù hợp với quy định của Hiến pháp và các quy định của các văn bản Luật khác;
- Đảm bảo cập nhật các định hướng, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay và có tầm nhìn trong tương lai;
- Rõ thẩm quyền, nội dung nào thuộc Luật, nội dung nào cần giao Chính phủ hoặc Bộ Tài chính hướng dẫn;
- Phù hợp với thực tiễn quản lý (có tính đến đặc thù của đơn vị thuộc khu vực công và lĩnh vực kinh doanh) và quá trình chuyển đổi số và thông lệ quốc tế;
- Đảm bảo thuận lợi trong quá trình thực thi;
- Bao quát được các vấn đề về công tác quản lý thuế;
- Đảm bảo tính khả thi, rõ ràng, minh bạch.

3.2. Về các nội dung định hướng sửa đổi Luật Quản lý thuế

(1) Những nội dung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện:

- Qua rà soát có 114⁶/152 Điều cần sửa đổi, bổ sung nhằm giải quyết vướng mắc phát sinh từ thực tiễn; đảm bảo đồng bộ, thống nhất với pháp luật liên quan; thực hiện hợp tác quốc tế về thuế và các Điều ước quốc tế; hiện đại hóa công tác quản lý thuế trong bối cảnh chuyển đổi số và tăng tính minh bạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, phù hợp với xu thế các nước (thực hiện thủ tục thuế trên môi trường điện tử, tự động hóa quản lý thuế); tăng cường hiệu lực công tác kiểm tra thuế, rà soát quy định về chức năng thanh tra thuế nhất là thanh tra giá chuyển nhượng theo cam kết quốc tế để quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cho phù hợp với Luật Thanh tra đang được sửa đổi bổ sung theo Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống

⁶ Các Điều: 2, 3, 4, 5, 7, 9, 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 27, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 50, 51, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 81, 82, 83, 84, 85, 87, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 105, 107, 108, 109, 110, 112, 113, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 129, 130, 132, 133, 134, 135, 136, 139, 140, 141, 142, 143, 149, 151, 152.

cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; bổ sung quy định về quản lý thuế theo Nghị quyết số 107/2023/QH15 về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

Trong đó:

Về chuyển đổi số và tự động hóa quản lý thuế (13 Điều): Điều 11, Điều 15, Điều 33, Điều 34, Điều 48, Điều 60, Điều 71, Điều 76, Điều 93, Điều 94, Điều 96, Điều 98, Điều 127.

Về hóa đơn điện tử (6 Điều): Điều 89, Điều 90, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94.

Về cắt giảm và đơn giản thủ tục hành chính (17 Điều): Điều 15, Điều 31-32-33-34-35-36; Điều 43, Điều 48; Điều 60, Điều 71-72-73, Điều 76, Điều 91, Điều 98, Điều 127.

- Bổ sung mới 03 Điều gồm:

+ Điều 13a sau Điều 13 quy định tham chiếu cách tính thời hạn, thời hiệu của Bộ luật Dân sự trong trường hợp ngày cuối cùng của các thời hạn, thời hiệu là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ;

+ Hai Điều vào sau Điều 112: kiểm tra lại (Điều 112a); việc kiểm tra thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 112b).

(2) Những nội dung lược bỏ:

Đề xuất lược bỏ những quy định do không còn phù hợp tổ chức bộ máy của cơ quan thuế sau sắp xếp, nhằm tránh mâu thuẫn với pháp luật chuyên ngành khác (Luật Thanh tra năm 2022, Luật Đất đai năm 2024); lược bỏ các quy định trùng lặp về xử phạt vi phạm để tránh chồng chéo với các nghị định của Chính phủ.

Đề xuất bãi bỏ 10 Điều cụ thể gồm:

- Bãi bỏ Điều 28 quy định Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn thay vào đó áp dụng cơ chế tự khai tự nộp, thực hiện trách nhiệm của người nộp thuế;

- Bãi bỏ Điều 51 quy định Xác định mức thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế.

- Bãi bỏ 08 Điều (từ Điều 113 đến Điều 120) quy định về thanh tra thuế tại Luật QLT năm 2019 để đảm bảo thống nhất với quy định của Luật thanh tra mới (Luật sửa đổi Luật Thanh tra năm 2022).

(3) Những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

Đề xuất sửa đổi, bổ sung 17 Điều nhằm đơn giản hồ sơ đăng ký thuế (bỏ bớt các giấy tờ không cần thiết, tích hợp đăng ký thuế vào hệ thống điện tử); kê khai thuế tự động (ứng dụng AI và Big Data để hỗ trợ người nộp thuế kê khai chính xác, giảm sai sót); giải quyết hoàn thuế tự động trên hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của ngành thuế (xây dựng hệ thống phân loại hồ sơ tự động, đẩy nhanh tiến độ xử lý hoàn thuế); đơn giản hóa thủ tục nộp thuế (tích hợp các kênh thanh toán thuế điện tử); nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm của một số Bộ ngành (Bộ Công an có trách nhiệm kết nối, chia sẻ về thông tin của công dân, các thông tin thay đổi của công dân cho Bộ Tài chính (cơ quan thuế) tự

động theo phương thức điện tử); rút ngắn thời hạn kiểm tra hồ sơ khai thuế từ 03 ngày làm việc xuống 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; nghiên cứu quy định nguyên tắc hồ sơ khai thuế được nộp theo phương thức điện tử để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số của Quốc hội, Chính phủ; xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo hướng tự động hóa, giảm các TTHC liên quan đến việc thực hiện bù trừ các khoản phải nộp, đã nộp của NNT; nghiên cứu các trường hợp được hoàn thuế nộp thừa tự động trên cơ sở theo dõi được toàn diện, đầy đủ CSDL về xác định nghĩa vụ phải nộp, đã nộp và áp dụng quản lý rủi ro trong xử lý các khoản nộp thừa. Nghiên cứu sửa đổi quy định về xử lý bù trừ giữa khoản nộp thừa với khoản phải nộp giữa các tiểu mục, giữa các địa bàn với nhau mà không phải thực hiện qua thủ tục hoàn thuế; áp dụng điều kiện hoàn thuế tự động như quy định cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định hoàn, lệnh hoàn hoặc ký nhân danh từ hệ thống xử lý tự động. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối với các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thuộc 15 lĩnh vực (đang sử dụng hóa đơn điện tử không mã) nếu có các hoạt động kinh doanh khác (ngoài 15 lĩnh vực nêu trên) thì cũng được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế để đảm bảo sự thống nhất mỗi doanh nghiệp chỉ sử dụng 1 loại hóa đơn điện tử đồng thời cũng là hỗ trợ doanh nghiệp tiết kiệm chi phí tránh trường hợp phải đầu tư hệ thống hóa đơn đáp ứng cho cả sử dụng hóa đơn có mã và không có mã, trong khi số lượng hóa đơn không mã sử dụng cho hoạt động các kinh doanh khác là không nhiều; bổ sung nguyên tắc các thông tin, CSDL của các tổ chức, cá nhân cung cấp cho cơ quan thuế thực hiện theo phương thức điện tử (trao đổi thông tin cưỡng chế bằng phương thức điện tử giữa cơ quan thuế với các ngân hàng thương mại nhằm đảm bảo các quyết định cưỡng chế/quyết định chấm dứt hiệu lực cưỡng chế được gửi/nhận ngay trong ngày ban hành).

(4) Những nội dung phân cấp, phân quyền:

Hiện nay, theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về tăng cường phân cấp, phân quyền, những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ thì cần quy định tại các văn bản phù hợp như Nghị định hoặc Thông tư, không đưa vào Luật. Theo đó, Luật chỉ quy định các nguyên tắc chung, còn quy định chi tiết giao Chính phủ và Bộ Tài chính ban hành văn bản dưới luật.

Đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 gồm 06 Điều nhằm tăng cường phân cấp, phân quyền như: phân cấp quản lý thuế giữa các cấp cơ quan quản lý thuế theo mô hình tổ chức mới; phân quyền thu thuế cho các cơ quan nhà nước khác (các cơ quan chuyên ngành có trách nhiệm xác định và thu một số khoản thu NSNN thay vì chỉ cơ quan thuế thực hiện); cơ chế phối hợp liên ngành (quy định rõ trách nhiệm của Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công Thương trong việc hỗ trợ quản lý thuế); bổ sung thẩm quyền khoanh nợ cho Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý khoản thu và cơ quan thuế quản lý trực tiếp có khoản nợ thuế đáp ứng điều kiện về khoanh nợ có thẩm quyền quyết định việc khoanh nợ; bổ sung mở rộng việc giao quyền cho cấp phó theo hướng người có thẩm quyền cưỡng chế có thể giao quyền cho cấp phó bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

(5) Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau

Hiện nay, Bộ Tài chính đã nhận được 54 ý kiến cơ bản nhất trí của các Bộ ngành, địa phương, các tổ chức.

Chính phủ xin báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Luật Quản lý thuế cụ thể như sau:

3.2.1. Về các quy định chung

(1) Về đối tượng áp dụng

Thời gian qua, một số Luật liên quan đã sửa đổi bổ sung quy định về người nộp thuế mà tại Luật Quản lý thuế chưa có quy định như Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu⁷; Luật số 56/2024/QH15, Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15⁸. Tên gọi của các cơ quan quản lý thuế đã thay đổi. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để bao quát đầy đủ các đối tượng áp dụng cho phù hợp.

(2) Về giải thích từ ngữ

Qua rà soát Luật QLT năm 2019, một số khái niệm, thuật ngữ cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và các quy định pháp luật mới. Ví dụ như khái niệm về các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu chưa phù hợp với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về tài nguyên⁹. Quy định về tiền thuê mặt nước (điểm c khoản 2 Điều 3) không còn phù hợp với Luật Đất đai 2024; Rà soát Luật Tần số vô tuyến điện sửa đổi 2022 có khoản tiền cấp quyền sử dụng tần vô tuyến điện... Do đó, cần sửa đổi, bổ sung các quy định nêu trên để đảm bảo tính đầy đủ, rõ ràng và thống nhất giữa Luật QLT năm 2019 với các văn bản pháp luật khác có liên quan.

(3) Về nội dung quản lý thuế và nguyên tắc quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 quy định này chưa đủ rõ ràng về việc gia hạn tiền thuế nợ, dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.

Luật QLT năm 2019 có phạm vi, đối tượng áp dụng bao gồm tất cả các khoản thu vào ngân sách nhà nước, tuy nhiên chưa có quy định cụ thể về nguyên tắc áp dụng, trách nhiệm và thẩm quyền thực hiện đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do các cơ quan nhà nước khác quản lý thu.

⁷ Quy định người nộp thuế bao gồm 4 nhóm: chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu; người xuất cảnh, nhập cảnh có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi hoặc nhận hàng hóa qua cửa khẩu biên giới Việt Nam; người được ủy quyền bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế.

⁸ bổ sung quy định về người nộp thuế là nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số; quy định trách nhiệm của tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số trong việc khấu trừ, nộp thuế thay cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

⁹ Một số khoản thu như “tiền nộp ngân sách nhà nước từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công” và “Tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo” đang có sự không thống nhất về cơ quan quản lý thu.

Cần nghiên cứu bổ sung Luật QLT năm 2019 quy định rõ về nguyên tắc áp dụng, trách nhiệm, thẩm quyền thực hiện đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước trong trường hợp áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành đồng thời với Luật QLT năm 2019 và trách nhiệm của cơ quan được giao quản lý các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước. Nghiên cứu bổ sung hoàn thiện công chức quản lý thuế chịu trách nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

(4) Về đồng tiền khai thuế, nộp thuế

Luật QLT năm 2019 quy định đồng tiền khai thuế, nộp thuế là Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tuy nhiên, thực tế người nộp thuế có thể khai thuế bằng một loại ngoại tệ và nộp thuế bằng một loại ngoại tệ khác, dẫn đến phát sinh nợ cho khoản ngoại tệ có nghĩa vụ phải nộp và thừa cho khoản ngoại tệ đã nộp ngân sách nhà nước. Đối với nhà thầu dầu khí, cũng đang phát sinh vướng mắc khi không xác định được sẽ thực hiện khai thuế bằng đồng tiền nào khi tiền bán hàng có cả VNĐ và USD. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp đối với hoạt động dầu khí và thuế tối thiểu toàn cầu và nghiên cứu bổ sung thẩm quyền cho Chính phủ quy định cụ thể việc quy đổi tỷ giá giữa các loại tiền tệ.

(5) Về quản lý rủi ro trong quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 đã quy định áp dụng các biện pháp quản lý thuế trực tiếp đối với các trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế và thanh tra thuế. Tuy nhiên, để tăng cường hiệu quả thu thuế, chống thất thu và gian lận thuế, đặc biệt trong các hoạt động kinh doanh trực tuyến và giao dịch xuyên biên giới, các quy định về quản lý rủi ro cần được sửa đổi theo hướng thắt chặt hơn.

Cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 theo định hướng làm rõ phạm vi áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế và quy định rõ về quyền và trách nhiệm của cơ quan thuế khi phát hiện người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao về thuế.

(6) Về xây dựng lực lượng quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 quy định cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm đào tạo, xây dựng đội ngũ công chức quản lý thuế. Cần sửa đổi Luật QLT năm 2019 theo hướng quy định cơ quan thuế có trách nhiệm bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức quản lý thuế, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy mới.

(7) Về hiện đại hóa công tác quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 quy định cơ quan quản lý thuế xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thuế. Tuy nhiên, xu hướng hiện đại hóa quản lý thuế hiện nay đã phát triển mạnh mẽ với việc ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), blockchain và điện toán đám mây.

Cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để bổ sung đầy đủ các quy định,

nội dung nhằm thực hiện giao dịch, trao đổi, cung cấp theo phương thức điện tử, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thuế trong bối cảnh chuyển đổi số và tăng tính minh bạch, hiệu quả quản lý thuế, phù hợp với xu thế quốc tế.

(8) Về hợp tác quốc tế về thuế

Luật QLT năm 2019 quy định cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện thỏa thuận song phương, đa phương với cơ quan quản lý thuế nước ngoài, và các biện pháp hỗ trợ thu thuế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 theo định hướng mở rộng các biện pháp thu nợ thuế và bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc quy định chi tiết các nội dung liên quan đến hợp tác quốc tế về thuế.

(9) Về kết thúc thời hạn của các thủ tục thuế

Luật QLT năm 2019 quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế được tính theo ngày dương lịch. Cần bổ sung Luật QLT năm 2019 quy định tham chiếu đến cách tính thời hạn, thời hiệu của Bộ luật Dân sự trong trường hợp ngày cuối cùng của các thời hạn, thời hiệu là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ để khắc phục vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

3.2.2. Về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý thuế

(1) Về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Thực tế hiện nay, Bộ Công an đã chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (20 trường thông tin) cho cơ quan thuế khi có yêu cầu và dự kiến sẽ chia sẻ dữ liệu về căn cước theo Chỉ thị 18/CP trong thời gian tới. Tuy nhiên, để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý thuế và thực hiện việc sử dụng mã định danh cá nhân thay cho mã số thuế cá nhân thì việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Bộ Công an cho cơ quan thuế cần được quy định rõ trách nhiệm tại Luật Quản lý thuế để không phải phụ thuộc vào văn bản thống nhất giữa 02 bên (như pháp luật giao dịch điện tử, căn cước đang quy định). Đồng thời, việc cung cấp thông tin cần phải tự động, kịp thời để giảm thủ tục hành chính cho người dân, cơ quan thuế có thông tin kịp thời để phục vụ quản lý thuế.

Luật QLT năm 2019 chưa quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh, đầu tư trong việc cấp mới, đăng ký thay đổi, thu hồi các giấy chứng nhận về đăng ký kinh doanh, đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn.

Vì vậy, Luật QLT năm 2019 cần sửa đổi, bổ sung sửa đổi tên gọi các Bộ, ngành và trách nhiệm liên quan cho phù hợp với mô hình sau sắp xếp tổ chức bộ máy; Bổ sung trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Công thương, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường,... để thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý thuế theo Nghị quyết số 57-NQ/TW. Nghiên cứu bổ sung trách nhiệm của các Bộ ngành liên quan, Ngân hàng Nhà nước, Ngân

hàng thương mại trong việc cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý thuế đối với loại hình tiền số, tài sản ảo.

(2) Về quyền của người nộp thuế

Luật QLT năm 2019 chưa có quy định về quyền của người nộp thuế trong việc ủy quyền khai thay, nộp thuế thay theo quy định của pháp luật dân sự; chỉ quy định người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế khi thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế mà không bao gồm các văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan hải quan. Chưa quy định rõ “văn bản hướng dẫn” và “quyết định xử lý” là liên quan trực tiếp đến xác định nghĩa vụ thuế hay chỉ cần liên quan gián tiếp. Vì vậy, Luật QLT năm 2019 cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(3) Về trách nhiệm của người nộp thuế

Luật QLT năm 2019 chưa bao quát đối với hoạt động hợp tác, nhận tài trợ, ký kết hợp đồng tư vấn, dịch vụ, hợp đồng kinh doanh giữa doanh nghiệp xã hội (DNXH) Việt Nam với các tổ chức, cá nhân nước ngoài. Vì vậy, Luật QLT năm 2019 cần được nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội nhằm quản lý các khoản thu thông qua hoạt động hợp tác, nhận tài trợ, ký kết hợp đồng kinh tế với các tổ chức cá nhân nước ngoài, bao gồm việc cung cấp bổ sung giấy đăng ký, thông báo và xác nhận của cơ quan quản lý có liên quan về doanh nghiệp xã hội và khoản thu trong năm phát sinh dùng cho mục đích xã hội.

(4) Về nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế

Luật QLT chưa quy định rõ về nhiệm vụ kiểm tra thuế của cơ quan thuế và trong thực tiễn có phát sinh trường hợp người nộp thuế đã bị cơ quan thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế không đúng quy định, nhưng chưa có quy định rõ về trách nhiệm khôi phục lại mã số thuế. Vì vậy, Luật QLT năm 2019 cần sửa đổi, bổ sung theo hướng bổ sung nhiệm vụ kiểm tra thuế của Cơ quan thuế để tương ứng với quyền hạn của Cơ quan thuế; bổ sung trách nhiệm của cơ quan thuế khôi phục lại mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp cơ quan thuế đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng sau đó xác định người nộp thuế không thuộc trường hợp phải chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

(5) Về quyền hạn của cơ quan quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 đã quy định 10 quyền hạn của cơ quan quản lý thuế, tuy nhiên chưa có quy định về quyền hạn của cơ quan thuế trong việc yêu cầu người nộp thuế thực hiện các trách nhiệm của người nộp thuế và quyền chỉ định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Vì vậy, Luật QLT năm 2019 cần bổ sung quy định cho phù hợp.

(6) Về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Nhà nước

Trong thực tiễn cơ quan quản lý thuế không nhận được tài liệu từ Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Nhà nước để biết được trường hợp nào người nộp thuế đồng ý với kiến nghị, trường hợp nào không đồng ý, dẫn đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế bị nộp thừa ảo trên hệ thống quản lý thuế. Vì vậy, Luật QLT năm 2019 cần sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định Kiểm toán nhà nước, Thanh tra

Nhà nước phải gửi biên bản hoặc báo cáo kiểm toán hoặc kết luận cho cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp biết. Quy định người nộp thuế khi không đồng ý với kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Nhà nước phải gửi cho cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp một bản để theo dõi.

(7) Về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tín dụng

Luật QLT năm 2019 quy định trách nhiệm của ngân hàng thương mại khi tham gia phối hợp thu thuế và thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, bao gồm cung cấp thông tin về số hiệu tài khoản của người nộp thuế. Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về thời gian cung cấp, phương thức cung cấp, và các thông tin định danh của tài khoản; nhiệm vụ quyền hạn của tổ chức tín dụng nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thay cho người nộp thuế. Vì vậy, Luật QLT năm 2019 cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(8) Về Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn

Luật QLT năm 2019 quy định về hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn tuy nhiên tại Luật số 56/2024/QH15 đã quy định trách nhiệm của người nộp thuế trong việc khai chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và chủ trương mới của Chính phủ là cần nghiên cứu rà soát bỏ quy định về mức khoán thu thuế để tăng cường chống thất thu. Vì vậy, Luật QLT năm 2019 cần được nghiên cứu bãi bỏ toàn bộ Điều 28 quy định về Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn, thay vào đó áp dụng cơ chế tự khai tự nộp, thực hiện trách nhiệm của người nộp thuế theo quy định.

(9) Về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác

Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH14 quy định về người được ủy quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế, nhưng Luật QLT năm 2019 chưa quy định trách nhiệm của các đối tượng này và chưa có quy định về việc phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp thông tin khi xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước, dẫn đến cơ quan lập dự toán thiếu thông tin chính xác, kịp thời. Vì vậy, Luật QLT năm 2019 cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3.2.3. Về đăng ký thuế

(1) Về đối tượng đăng ký thuế và cấp mã số thuế

Luật QLT năm 2019 chưa có quy định cụ thể về cấp mã số thuế cho một số đối tượng, gây khó khăn trong công tác quản lý thuế như:

- Các tổ chức không có tư cách pháp nhân như nhà thầu nước ngoài, chi nhánh của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên các nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số thuộc đối tượng phải kê khai nộp thuế.

- Nhiều doanh nghiệp khác tỉnh được cấp phép hoạt động khai thác tài nguyên nhưng không thành lập chi nhánh để đăng ký thuế tại địa phương nơi khai thác, dẫn đến khó khăn trong quản lý kê khai thuế và giám sát hóa đơn.

- Chưa có quy định về cấp mã số thuế nộp thay và cấp mã số thuế cho đơn

vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(2) Về hồ sơ, thủ tục và thời hạn đăng ký thuế

Qua thực tiễn triển khai, một số quy định về hồ sơ, thủ tục và thời hạn đăng ký thuế đã bộc lộ những hạn chế, bất cập:

- Chưa có quy định xác thực người đại diện pháp luật ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp để tránh trường hợp người đại diện pháp luật là giả mạo hoặc không liên quan đến hoạt động doanh nghiệp.

- Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu đối với bên Việt Nam khấu trừ thuế và nộp thay thuế cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài (10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh trách nhiệm khấu trừ thuế) gây khó khăn trong thực hiện.

- Khi áp dụng mã số định danh cá nhân làm mã số thuế, Luật QLT năm 2019 chưa quy định trường hợp cá nhân đã được cấp số định danh cá nhân không phải đăng ký thuế với cơ quan thuế.

- Chưa có quy định về địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế và thời hạn đăng ký thuế lần đầu theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(3) Về cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế

Luật QLT năm 2019 quy định cơ quan thuế cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế cho người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Tuy nhiên, khi thực hiện nội dung liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh, cơ quan thuế không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế của hộ kinh doanh nên không phải cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế (cần cắt giảm thủ tục này). Ngoài ra, khi sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế, việc cấp thông báo mã số thuế cũng không còn cần thiết đối với cá nhân. Luật chưa có quy định về thông báo mã số thuế theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(4) Về sử dụng mã số thuế

Luật QLT năm 2019 quy định khi mã số định danh cá nhân được cấp cho toàn bộ dân cư thì sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho mã số thuế. Tuy nhiên, thực tế quản lý thuế cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký chiếm tỷ lệ cao và có xu hướng ngày càng tăng, gây thất thu ngân sách và khó khăn trong công tác quản lý thuế. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(5) Về thông báo thay đổi thông tin và tạm ngừng hoạt động

Khi thực hiện nội dung liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh và sử dụng mã số định danh cá nhân làm mã số thuế, cần sửa đổi quy định về thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế và tạm ngừng hoạt động, kinh doanh. Hiện nay, tỷ lệ doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký ngày càng tăng, gây khó khăn trong quản lý thuế. Vì vậy, cần nghiên cứu

cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(6) Về đăng ký thuế khi tổ chức lại doanh nghiệp

Luật QLT năm 2019 quy định người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh khi tổ chức lại doanh nghiệp. Tuy nhiên, Luật Hợp tác xã không có quy định về tổ chức lại hợp tác xã mà chỉ có quy định về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hợp tác xã. Theo Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, hộ kinh doanh không có hình thức tổ chức lại. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(7) Về chấm dứt hiệu lực và khôi phục mã số thuế

Luật QLT năm 2019 quy định người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh thì thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi thuộc trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, thực tế nhiều doanh nghiệp thực hiện thủ tục đóng mã số thuế mặc dù vẫn còn nợ thuế tại cơ quan Hải quan.

Luật QLT năm 2019 chưa có quy định đối với người nộp thuế không đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế được nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế sau khi bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

3.2.4. Về khai thuế, tính thuế

(1) Về nguyên tắc khai thuế, tính thuế

Luật QLT năm 2019 chưa phù hợp với một số đặc thù kinh doanh của các doanh nghiệp lớn như điện, dầu khí, viễn thông, hàng không, ngân hàng, cụ thể:

- Đối với doanh nghiệp có thời điểm lập hóa đơn khác với thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Luật chưa có quy định về thời điểm xác định nghĩa vụ thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế riêng mà vẫn phải thực hiện theo nguyên tắc chung, dẫn đến các vướng mắc sau:

+ Người nộp thuế chưa có hóa đơn bán hàng, cung cấp dịch vụ làm căn cứ khai thuế tại thời hạn quy định, phải tạm xác định giá bán để khai thuế, sau đó thực hiện kê khai bổ sung khi có hóa đơn chính thức, làm tăng thủ tục hành chính và phát sinh tiền chậm nộp.

+ Thời điểm xác định thuế đầu ra - đầu vào của bên bán và bên mua không đồng thời, ảnh hưởng đến việc ghi nhận doanh thu - chi phí cho mục đích khai thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đối với hoạt động dầu khí, phát sinh trường hợp nhà thầu tham gia trong hợp đồng dầu khí ủy quyền cho người điều hành, doanh nghiệp liên doanh thực hiện khai, nộp các khoản thuế, hoặc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thay mặt các nhà thầu nộp các loại thuế, nhưng chưa có quy định rõ trách nhiệm của người được ủy quyền khai thay, nộp thuế thay.

- Luật Quản lý thuế hiện hành chưa quy định rõ về thời gian có hiệu lực của cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA). Mặt khác, quy định thực hiện APA cần phải dựa trên cơ sở dữ liệu thương mại có sự kiểm chứng còn gây khó khăn do vướng mắc về CSDL có sự kiểm chứng, cơ quan nào có thẩm quyền kiểm chứng trong việc lựa chọn CSDL để phân tích so sánh, xác định biên độ giá thị trường chuẩn phục vụ cho APA.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp

(2) Về hồ sơ khai thuế

Luật QLT năm 2019 quy định hồ sơ hải quan được sử dụng làm hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Tuy nhiên, theo Luật thuế xuất nhập khẩu, đối với một số trường hợp như hàng hóa nhập khẩu phục vụ an ninh, quốc phòng, dự án ưu đãi đầu tư miễn thuế, người nộp thuế phải nộp hồ sơ đề nghị miễn thuế cho cơ quan hải quan trước khi nhập khẩu.

Trên thực tế có nhiều trường hợp người nộp thuế lợi dụng kê khai theo quý để mua bán, xuất không hóa đơn với số lượng và giá trị lớn rồi bỏ trốn trước thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, gây thất thoát ngân sách và gia tăng số lượng doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh. Một số trường hợp không phát sinh nghĩa vụ thuế nhưng vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế, gây tăng thủ tục cho người nộp thuế, như trường hợp người nộp thuế chỉ có hoạt động, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế, cá nhân có thu nhập được miễn thuế, doanh nghiệp chế xuất chỉ có hoạt động xuất khẩu, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để khắc phục các bất cập này đồng thời nghiên cứu giao Chính phủ quy định các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế và bổ sung quy định về trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin có hiệu lực với Việt Nam.

(3) Về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

Luật QLT năm 2019 còn thiếu một số quy định cụ thể về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, gây vướng mắc trong thực tiễn:

- Chưa có quy định riêng về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập cá nhân chỉ quyết toán theo năm dương lịch, nhưng Luật Quản lý thuế quy định thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm là “ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính”.

- Chưa có quy định về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế đối với cá nhân cư trú tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam.

- Chưa có quy định về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam.

- Chưa có quy định về thời hạn cơ quan tài nguyên và môi trường gửi Quyết định tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước cho cơ quan thuế và thời hạn cơ quan thuế ban hành Thông báo nộp tiền.

- Chưa có quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với hoạt động xuất bán dầu thô, trong khi đã có quy định thời điểm nộp thuế đối với hoạt động này (Điều 55).

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp và cải cách thủ tục hành chính.

(4) Về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế

Luật QLT năm 2019 quy định người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp, nhưng còn một số vấn đề chưa được quy định rõ:

- Chưa có hướng dẫn cụ thể về nguyên tắc khai thuế, tính thuế và địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với các đơn vị phụ thuộc trên cùng địa bàn với trụ sở chính.

- Chưa có quy định riêng về địa điểm nộp hồ sơ đề nghị miễn giảm thuế theo Hiệp định thuế.

- Chưa có quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế bổ sung cho các khoản thu về đất đai sau khi đã được giải quyết thủ tục tài chính về đất đai theo cơ chế một cửa liên thông.

- Quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với các khoản thu từ đất, cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản chưa phù hợp, vì người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế mà là cơ quan tài nguyên và môi trường ban hành Quyết định tính ra số phải nộp.

- Chưa có quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, đăng ký nộp thuế trên cổng thông tin điện tử

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp, cải cách thủ tục hành chính và bổ sung quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho phù hợp với tổ chức bộ máy sau sắp xếp.

(5) Về gia hạn nộp hồ sơ khai thuế

Luật Quản lý thuế hiện hành chưa có quy định về gia hạn nộp hồ sơ khai thuế trong trường hợp bất khả kháng hoặc khó khăn đặc biệt áp dụng hàng loạt cho nhiều người nộp thuế như thực tế giãn cách xã hội do đại dịch covid 19. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung Luật Quản lý thuế quy định Chính phủ có thẩm quyền quyết định việc gia hạn nộp hồ sơ khai thuế cho người nộp thuế gặp khó khăn đặc biệt trong từng thời kỳ nhất định.

(6) Về khai bổ sung hồ sơ khai thuế

Luật Quản lý thuế hiện hành chưa có quy định về việc không được khai bổ sung để thực hiện các yêu cầu, đề nghị của cơ quan điều tra. Thời gian qua, tình hình tội phạm thành lập doanh nghiệp “ma” để mua bán hóa đơn diễn ra khá phổ biến. Cơ quan thuế nhận được nhiều văn bản của cơ quan an ninh điều tra hoặc cơ quan cảnh sát điều tra yêu cầu, đề nghị chặn người bán và người mua không được

khai bổ sung hồ sơ khai thuế đối với các kỳ tính thuế có liên quan đến việc điều tra vụ án hình sự.

Ngoài ra, Luật Quản lý thuế chưa quy định rõ hướng xử lý cụ thể của cơ quan quản lý thuế đối với kết quả giải trình của người nộp thuế. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế cho phù hợp.

(7) Về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế

Luật Quản lý thuế hiện hành quy định cơ quan quản lý thuế thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận. Tuy nhiên, do việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế hiện nay chủ yếu bằng phương thức điện tử nên có thể rút ngắn thời hạn này. Mặt khác, với việc ứng dụng công nghệ thông tin để tự động hóa việc kiểm tra hồ sơ khai thuế, cần có quy định riêng về thời hạn trả thông báo chấp nhận hồ sơ theo từng loại hồ sơ khai thuế và hình thức nhận hồ sơ (điện tử, giấy). Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế cho phù hợp.

3.2.5. Về ấn định thuế

(1) Về ấn định thuế đối với người nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế

Luật QLT năm 2019 có quy định ấn định thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế. Tuy nhiên, thực tế chưa rõ nguyên tắc ấn định đối với trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường. Đối với trường hợp NNT mua bán hàng hóa, dịch vụ không giao dịch theo giá thông thường trên thị trường: thực tế rất khó xác định các dữ liệu, số liệu có đầy đủ tính pháp lý để xác định giá giao dịch thông thường trên thị trường khi ấn định thuế. Luật QLT chưa có quy định rõ về hồ sơ, thủ tục, trình tự ấn định thuế đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai.

Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế cho phù hợp tạo sự công khai, minh bạch, tránh rủi ro cho cơ quan thuế; bổ sung trách nhiệm của các cơ quan/tổ chức có liên quan trong việc cung cấp dữ liệu, thông tin ngành nghề có liên quan đến người nộp thuế bị ấn định.

(2) Về xác định mức thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế

Luật QLT năm 2019 có quy định về việc xác định mức thuế khoán tuy nhiên thực hiện chủ trương tăng cường quản lý thuế, mọi tổ chức, cá nhân kinh doanh đều phải thực hiện chế độ hóa đơn, chế độ chứng từ để nộp thuế thì cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế cho phù hợp, xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh (Điều 51). Với định hướng này, tất cả các hộ kinh doanh sẽ phải thực hiện chế độ tự khai, tự nộp thuế và thực hiện sổ sách hóa đơn, chứng từ trong đó:

- Đối với các hộ kinh doanh có doanh thu từ 01 tỷ đồng/năm trở lên sẽ phải thực hiện theo phương pháp kê khai và áp dụng chế độ kế toán đơn giản như các doanh nghiệp siêu nhỏ theo thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021. Theo

(3) Về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế

Luật QLT năm 2019 quy định cơ quan quản lý thuế được quyền ấn định thuế tuy nhiên, việc ấn định thuế cần được tăng cường tính pháp lý để nâng cao hiệu quả quản lý thuế. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 theo hướng xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác làm căn cứ cho việc ấn định thuế, đây là yếu tố quyết định để nâng cao chất lượng việc ấn định thuế và việc ấn định thuế của cơ quan quản lý thuế tại thời điểm ấn định có giá trị pháp lý cao nhất.

(4) Về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc nộp số tiền thuế ấn định

Luật QLT năm 2019 quy định người nộp thuế có quyền đề nghị cơ quan quản lý thuế giải thích khi không đồng ý với số tiền thuế ấn định làm giảm tính pháp lý của quyết định ấn định thuế. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 theo hướng trong trường hợp người nộp thuế không đồng ý với số tiền thuế ấn định, họ phải thực hiện theo quy định về giải quyết khiếu nại hoặc khởi kiện ra Tòa án. Điều này nhằm nâng cao tính pháp lý của công tác ấn định thuế, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý thuế.

3.2.6. Hoàn thiện quy định về nộp thuế đồng bộ với pháp luật mới được ban hành, đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế

(1) Về thời hạn nộp thuế

Luật QLT năm 2019 chưa bao quát hết các khoản thu như tiền sử dụng khu vực biển, các khoản thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, chuyển nhượng vốn nhà nước theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP. Đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, chưa quy định cụ thể về thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định; hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan; hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp và bổ sung thẩm quyền giao Chính phủ quy định cụ thể thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu trong một số trường hợp cụ thể.

(2) Về địa điểm và hình thức nộp thuế

Luật QLT năm 2019 quy định người nộp thuế nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước, cơ quan quản lý thuế, thông qua tổ chức ủy nhiệm thu thuế, hoặc thông qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh chóng của các hình thức thanh toán điện tử hiện nay, khái niệm “địa điểm” nộp thuế đã không còn phù hợp khi người nộp thuế có thể thanh toán mọi lúc, mọi nơi qua các phương tiện điện tử. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(3) Về thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt

Luật QLT năm 2019 quy định thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo nguyên tắc cứng nhắc không cho phép người nộp thuế lựa chọn khoản thuế họ muốn thanh toán. Điều này gây khó khăn cho người nộp thuế khi

thực hiện thanh toán và không phù hợp với quyền tự khai, tự nộp thuế. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(4) Về xác định ngày đã nộp thuế

Luật QLT năm 2019 chưa bao quát trường hợp nộp thuế trực tiếp bằng tiền mặt tại tổ chức tín dụng. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung Luật QLT năm 2019 theo hướng quy định về xác định ngày đã nộp thuế trong trường hợp nộp thuế trực tiếp bằng tiền mặt tại tổ chức tín dụng.

(5) Về xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế

Luật QLT năm 2019 chưa quy định không tính tiền chậm nộp đối với các trường hợp đặc thù như hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước 90 ngày; người nộp thuế được nhà nước giao đất tái định cư nhưng ngân sách nhà nước chưa chi trả tiền bồi thường nơi đi; Chưa quy định việc tính tiền chậm nộp đối với các trường hợp dừng quyết định khoan nợ. Chưa quy định cụ thể về hồ sơ và thẩm quyền miễn tiền chậm nộp thuế đối với trường hợp bất khả kháng.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp và giao Bộ Tài chính quy định cụ thể thủ tục miễn tiền chậm nộp thuế đối với trường hợp bất khả kháng.

(6) Về xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

Luật QLT năm 2019 chưa quy định rõ thủ tục hoàn thuế trong trường hợp nộp thừa và thời hạn giải quyết hoàn thuế nộp thừa chưa thống nhất với thủ tục hoàn thuế khác. Chưa quy định rõ trường hợp không hoàn trả tiền thuế nộp thừa đối với người nộp thuế nộp thừa tiền thuế GTGT cho cơ quan hải quan khi nhập khẩu hàng hóa nhưng đã kê khai khấu trừ với cơ quan thuế. Cách xác định ngày phát sinh số nộp thừa theo ngày người nộp thuế nộp tiền vào ngân sách nhà nước là không phù hợp trong nhiều trường hợp, như khi có thay đổi chính sách thuế hoặc cơ quan nhà nước xác định lại nghĩa vụ làm giảm số phải nộp.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp và hướng tới thiết kế quy định theo hướng tự động hóa, giảm thủ tục hành chính liên quan đến việc bù trừ các khoản phải nộp, đã nộp của người nộp thuế.

(7) Về nộp thuế trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện

Luật QLT năm 2019 chưa quy định rõ trường hợp số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt do cơ quan khác tính, như Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về việc thu tiền sử dụng đất. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung Luật QLT năm 2019 quy định cụ thể về nghĩa vụ nộp thuế trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện đối với trường hợp người thực hiện tính số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt không phải là cơ quan thuế.

(8) Về gia hạn nộp thuế

Luật QLT năm 2019 chưa quy định rõ thẩm quyền gia hạn thuộc về thủ trưởng cơ quan thuế nào. Chưa quy định rõ đối tượng, loại thuế, thời gian, trình tự thủ tục, thẩm quyền. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT cho phù hợp.

3.2.7. Hoàn thiện quy định về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế

(1) Các vấn đề chung về hoàn thành nghĩa vụ thuế

Luật QLT năm 2019 quy định về “hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế” trong một số trường hợp nhưng chưa bao quát đầy đủ các tình huống trong thực tiễn. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(2) Về hoàn thành nghĩa vụ trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động

Luật QLT năm 2019 chưa có quy định đầy đủ về trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế trong một số trường hợp cụ thể: Chưa quy định trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế của hợp tác xã khi giải thể, phá sản. Chưa có quy định hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp chấm dứt hợp đồng nhà thầu nước ngoài, chấm dứt hợp đồng dầu khí, chấm dứt hiệp định dầu khí. Thuật ngữ “doanh nghiệp bỏ địa chỉ đăng ký kinh doanh” tại Điều 67 chưa thống nhất với “người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” tại Điều 39. Chưa có hướng dẫn cụ thể về cưỡng chế nợ thuế đối với chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông góp vốn, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(3) Về hoàn thành nghĩa vụ trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp

Luật QLT năm 2019 quy định về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp). Tuy nhiên, có một số bất cập:

- Theo Luật Doanh nghiệp, chỉ trường hợp sáp nhập, hợp nhất thì công ty nhận sáp nhập, công ty hợp nhất mới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán; còn trường hợp chia, tách thì phụ thuộc vào từng quyết định chia, tách.

- Đối với chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, công ty chuyển đổi kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế; đồng thời công ty mới vẫn sử dụng chính mã số doanh nghiệp của công ty cũ nên không cần quy định riêng.

- Luật QLT năm 2019 chưa có quy định trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế của hợp tác xã khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(4) Về hoàn thành nghĩa vụ trong trường hợp người nộp thuế đã chết, được tuyên bố đã chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự

Luật QLT năm 2019 quy định về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên, Điều 85 Luật Quản lý thuế đã bỏ trường hợp cá nhân mất tích được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi Luật Quản lý thuế cho phù hợp với quy định về các trường hợp được xóa nợ quy định tại Điều 85.

3.2.8. Hoàn thiện quy định về thủ tục hoàn thuế

(1) Về các trường hợp hoàn thuế

Luật QLT năm 2019 quy định về xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa bằng các hình thức: bù trừ với số tiền thuế còn nợ, trừ vào số tiền thuế của lần nộp thuế tiếp theo hoặc hoàn trả số tiền nộp thừa. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 70 chỉ quy định cơ quan thuế hoàn trả tiền nộp thừa, không đề cập đến trách nhiệm của cơ quan hải quan. Chưa có quy định rõ về trường hợp hoàn thuế đối với cá nhân đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(2) Về hồ sơ hoàn thuế

Luật QLT năm 2019 quy định về hồ sơ hoàn thuế, tuy nhiên còn chưa linh hoạt đối với một số trường hợp. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế theo hướng: Đơn giản hóa thủ tục hoàn thuế nộp thừa, theo đó người nộp thuế không phải nộp hồ sơ đề nghị hoàn riêng đến cơ quan thuế mà chỉ cần đề nghị hoàn trên hồ sơ khai thuế. Quy định cơ quan thuế tự động hoàn trả các khoản thuế nộp thừa đã được xác định đầy đủ, chính xác, không phải qua thủ tục phân loại hồ sơ.

(3) Về tiếp nhận và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế

Luật QLT năm 2019 quy định về tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế, nhưng còn một số vấn đề chưa rõ ràng:

- Chưa quy định cơ quan thuế nào tiếp nhận hồ sơ hoàn nộp thừa đối với trường hợp kê khai tập trung tại trụ sở chính và phân bổ thuế cho các địa phương.
- Chưa quy định rõ cơ quan thuế nào tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng của dự án đầu tư khác tỉnh, thành phố với nơi đóng trụ sở chính.
- Quy định về phân loại hồ sơ hoàn thuế chưa hợp lý, đặc biệt là việc phân loại trước khi chấp nhận hồ sơ.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(4) Về phân loại hồ sơ hoàn thuế

Luật QLT năm 2019 quy định hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế gồm nhiều trường hợp, tuy nhiên còn một số bất cập: Chưa quy định rõ về việc phân loại hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Chưa có quy định phân loại hoàn thuế đối với trường hợp chấm dứt hợp đồng nhà thầu nước ngoài, chấm dứt hợp đồng dầu khí, chấm dứt hiệp định dầu khí. Chưa có quy định riêng về phân loại hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn đối với trường hợp hoàn thuế theo điều ước quốc tế. Quy định buộc kiểm tra trước đối với hồ sơ hoàn thuế của cá nhân tự quyết toán thuế thu nhập cá nhân không phù hợp vì cá nhân thường không có địa chỉ trụ sở để kiểm tra.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 theo hướng tăng cường các giải pháp ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (Big Data) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế

và phòng chống gian lận như: Triển khai hệ thống phân tích dữ liệu lớn để áp dụng quản lý rủi ro trong phân loại hoàn thuế tự động, phát hiện các hành vi bất thường và đưa ra các chuỗi cảnh báo rủi ro trong quản lý; Giám sát, đối chiếu hóa đơn và tờ khai thuế GTGT, từ đó kiểm soát chặt chẽ công tác xét hoàn thuế.

(5) Về địa điểm kiểm tra hồ sơ hoàn thuế

Luật QLT năm 2019 quy định hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước được thực hiện kiểm tra tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế, còn hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế được thực hiện kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trụ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Tuy nhiên, đối với hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán hoặc hồ sơ hoàn thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, việc kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế là không khả thi vì cá nhân thường không có địa chỉ trụ sở ổn định. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp.

(6) Về thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế

Luật QLT năm 2019 chưa quy định thời hạn cho người nộp thuế giải trình, bổ sung trong trường hợp thông tin khai trên hồ sơ hoàn thuế khác với thông tin quản lý của cơ quan quản lý thuế. Chưa có quy định trường hợp người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì xử lý như thế nào. Thời hạn 40 ngày giải quyết hồ sơ hoàn thuế áp dụng chung là không phù hợp với trường hợp hoàn thuế theo Hiệp định thuế và Điều ước quốc tế có tính chất phức tạp. Chưa có quy định về việc tính thời gian khi người nộp thuế không cung cấp đầy đủ tài liệu trong quá trình kiểm tra. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019

(7) Về thẩm quyền quyết định hoàn thuế

Luật QLT năm 2019 quy định thẩm quyền quyết định hoàn thuế tuy nhiên, với số lượng hồ sơ đề nghị hoàn trả nộp thừa rất lớn, đặc biệt là hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công (96% hồ sơ đề nghị hoàn nộp thừa), việc giải quyết hồ sơ đúng thời hạn tạo áp lực lớn cho cán bộ, công chức thuế.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế theo hướng áp dụng hoàn thuế tự động, theo đó hệ thống công nghệ thông tin của ngành thuế có thể thực hiện kiểm tra, đối chiếu và giải quyết hoàn thuế tự động mà không cần Thủ trưởng ký quyết định hoàn thuế, đặc biệt đối với hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công. Quy định rõ thẩm quyền quyết định hoàn thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động thuộc về Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế.

(8) Về thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế

Luật QLT năm 2019 quy định tất cả hồ sơ hoàn trước phải được thanh tra, kiểm tra sau hoàn trong thời hạn 5 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế. Tuy nhiên, quy định này không khả thi đối với một số Cục Thuế lớn có khối lượng hồ sơ hoàn thuế nhiều như Cục Thuế tỉnh/thành phố Đồng Nai, Bình Dương, Hồ Chí Minh, Hà Nội và cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan thuế sau sắp xếp. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế theo hướng bỏ chức năng

thanh tra thuế chuyên ngành, tập trung vấn đề chống gian lận hoàn thuế giá trị gia tăng nhằm tăng tính minh bạch trong phân loại, giải quyết hồ sơ hoàn thuế, rút ngắn thời gian xử lý, tăng độ chính xác, đảm bảo kiểm soát các bước giải quyết theo quy định bằng phương thức điện tử. Bổ sung nội dung quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, tiếp tục nghiên cứu đưa lên Luật các nội dung nguyên tắc, trọng điểm.

3.2.9. Sửa đổi quy định về không thu thuế, miễn thuế, giảm thuế; xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt cho phù hợp với thực tế và quy định mới của pháp luật có liên quan

(1) Về không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Luật QLT năm 2019 chưa quy định bao quát hết các trường hợp không thu thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để bao quát đầy đủ các trường hợp.

(2) Về miễn thuế, giảm thuế

Luật QLT năm 2019 quy định miễn thuế đối với cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp hàng năm sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công từ 50.000 đồng trở xuống. Tuy nhiên, trên hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS) tính đến ngày 06/9/2024 tồn tại rất nhiều giao dịch có giá trị nhỏ, cụ thể:

- Số khoản còn phải nộp có giá trị tiền ≤ 10.000 đồng: có 556.311.972 giao dịch tương ứng với 1.215.466.510 nghìn đồng.

- Số khoản còn phải nộp có giá trị tiền ≤ 5.000 đồng: có 500.021.312 giao dịch tương ứng với 804.265.531 nghìn đồng.

- Số khoản còn phải nộp có giá trị tiền ≤ 2.000 đồng: có 344.008.553 giao dịch tương ứng với 310.610.279 nghìn đồng. Để quản lý các khoản nợ này, cơ quan thuế phải đầu tư chi phí duy trì, vận hành quản trị hệ thống, chi phí lưu trữ, tính tiền chậm nộp, gửi thông báo nợ, thông báo thuế, chưa kể các chi phí xã hội cho người nộp thuế và các đơn vị phối hợp thu thuế. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(3) Về nộp và tiếp nhận hồ sơ miễn thuế, giảm thuế

Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại. Tuy nhiên, pháp luật quản lý thuế hiện hành chưa quy định cụ thể về nơi nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế, gây khó khăn cho người nộp thuế là cá nhân trong việc xác định cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(4) Về thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế

Luật QLT năm 2019 quy định thời hạn giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế là 30 ngày, trường hợp kiểm tra thực tế là 40 ngày, áp dụng chung cho tất cả người nộp thuế. Tuy nhiên, đối với trường hợp miễn giảm thuế theo Hiệp định thuế và Điều ước quốc tế có những đặc thù riêng:

- Nhà thầu nước ngoài/cá nhân nước ngoài có thể rời khỏi Việt Nam bất cứ lúc nào nên việc giải quyết hồ sơ cần thận trọng, tránh thất thu thuế.

- Hồ sơ miễn, giảm theo Hiệp định thuế thường có tính chất phức tạp, cần thu thập đầy đủ thông tin, xác định đúng đối tượng áp dụng, xem xét kỹ từng Hợp đồng và thực tế thực hiện Hợp đồng, thực tế hoạt động kinh doanh trên phạm vi toàn quốc.

- Nhiều trường hợp cần trao đổi với cơ quan thuế nước ngoài để thu thập/xác minh thông tin.

- Theo thông lệ quốc tế, Philippines quy định thời gian giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định trong vòng 04 tháng.

Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019

(5) Về các trường hợp được khoan tiền thuế nợ

Luật QLT năm 2019 quy định các trường hợp được khoan tiền thuế nợ, tuy nhiên còn một số bất cập:

- Thời gian khoan nợ được tính từ ngày cấp giấy chứng tử hoặc giấy báo tử hoặc các giấy tờ thay thế, trong khi thực tế các giấy tờ này được cấp sau ngày người nộp thuế chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự.

- Việc xác minh thông tin người nộp thuế không hiện diện tại địa bàn hiện chỉ quy định phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, chưa bao gồm các cơ quan khác như công an xã phường, ban quản lý khu công nghiệp.

- Việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh cần có thời gian xem xét, trong khi đó cơ quan thuế vẫn phải tính tiền chậm nộp, đơn đốc, áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019

(6) Về thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoan nợ

Luật QLT năm 2019 chưa có quy định về việc ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định khoan tiền thuế nợ trong trường hợp người nộp thuế tiếp tục sản xuất kinh doanh, tòa án hủy quyết định tuyên bố một người đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, hoặc kết quả thanh tra, kiểm tra kết luận việc khoan nợ không đúng quy định. Chưa có quy định về việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ quyết định khoan tiền thuế nợ đã ban hành nhưng do sai sót. Nhiều trường hợp cơ quan thuế quản lý khoản thu có khoản nợ thuế đáp ứng điều kiện về khoan nợ nhưng không có thẩm quyền khoan nợ, phải tập hợp hồ sơ gửi cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế quyết định, dẫn tới công tác khoan nợ kéo dài. Chưa có quy định về điều chỉnh quyết định khoan nợ khi người nộp thuế đã được khoan nợ sau đó có nộp tiền thuế nợ đã khoan.

Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 giao Chính phủ quy định chi tiết số tiền khoan nợ. Bổ sung thẩm quyền khoan nợ cho Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý khoản thu và cơ quan thuế quản lý trực tiếp có khoản nợ thuế đáp ứng điều kiện về khoan nợ.

(7) Về trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt

Luật QLT năm 2019 quy định xóa nợ thuế đối với trường hợp các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của người nộp thuế mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm g khoản 1 Điều 125 của Luật và các khoản nợ này đã quá 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế nhưng không có khả năng thu hồi. Tuy nhiên, thực tế phát sinh nhiều trường hợp doanh nghiệp đã bị cơ quan có thẩm quyền về đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước khi cơ quan quản lý thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 theo hướng bổ sung cụm từ “tất cả” nhằm quy định rõ về tất cả các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt để cơ quan quản lý thuế dễ dàng thực hiện.

(8) Về thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt

Luật QLT năm 2019 quy định thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt thuộc tuy nhiên, Luật chưa có quy định về việc sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định xóa nợ do việc ban hành không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc do người nộp thuế sau khi được xóa nợ lại tiếp tục quay lại hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

3.2.10. Hoàn thiện quy định về hoá đơn, chứng từ điện tử

(1) Hóa đơn điện tử

Luật QLT năm 2019 quy định hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử được cơ quan thuế cấp mã trước khi tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua. Quy định này chưa tạo khuyến khích cơ quan thuế ứng dụng được các giải pháp công nghệ thông tin trong khởi tạo, sử dụng chuỗi ký tự làm mã của cơ quan thuế trên hoá đơn đảm bảo tính duy nhất cho từng hoá đơn điện tử. Theo đó, cần nghiên cứu sửa đổi theo hướng quy định: Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử là một chuỗi ký tự do hệ thống của cơ quan thuế hoặc hệ thống của đơn vị do cơ quan thuế ủy quyền tạo ra duy nhất cho từng hóa đơn điện tử.

(2) Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử

Luật QLT năm 2019 quy định trường hợp người bán có sử dụng máy tính tiền thì người bán đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Tuy nhiên, quy định này không mang tính bắt buộc do vậy, việc triển khai chưa mang lại hiệu quả. Do đó, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai thực tế khi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sử dụng đa dạng các giải pháp máy tính tiền khi lập hoá đơn giao cho người mua hàng (thông qua giải pháp thiết bị kỹ thuật hoặc giải pháp phần mềm công nghệ thông tin); bổ sung quy định mức giá trị thanh toán phải xuất hóa đơn (đối với đặc thù mô hình kinh doanh trực tiếp tới người tiêu dùng).

(3) Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Thực tế, ngoài hoạt động kinh doanh chính thuộc các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh theo quy định tại Luật QLT thuộc đối tượng được sử dụng hóa đơn điện tử không mã, còn phát sinh các hoạt động kinh doanh khác, nếu quy định đối với hoạt động kinh doanh thuộc 15 lĩnh vực sử dụng hóa đơn không mã, còn hoạt động kinh doanh khác không đáp ứng 15 lĩnh vực thì sử dụng hóa đơn có mã sẽ dẫn đến

doanh nghiệp phát sinh thêm chi phí đầu tư để xây dựng hệ thống đáp ứng cho cả sử dụng hóa đơn có mã và không có mã. Theo quy định Luật QLT năm 2019 (nội dung quy định về cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan Thuế theo từng lần phát sinh cho hộ kinh doanh), qua triển khai do số lượng hồ sơ phát sinh lớn, cơ quan thuế phải tốn kém nhiều nhân lực để thực hiện vì vậy tính hiệu quả không cao. Đồng thời chưa khuyến khích hộ kinh doanh áp dụng phương pháp nộp thuế theo phương pháp kê khai. Theo đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp thực tiễn.

(4) Dịch vụ về hóa đơn điện tử

Luật QLT năm 2019 quy định *Dịch vụ về hóa đơn điện tử bao gồm dịch vụ cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, dịch vụ truyền dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế từ người nộp thuế tới cơ quan thuế và dịch vụ về hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế. Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử bao gồm tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử và các dịch vụ khác có liên quan đến hóa đơn điện tử.* Tuy nhiên, quy định này chưa thống nhất với quy định chung về xây dựng hệ thống công nghệ thông tin và thực tế triển khai các dịch vụ về hoá đơn điện tử khi thực hiện. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định dịch vụ về hóa đơn điện tử để đảm bảo thống nhất với quy định chung về xây dựng hệ thống công nghệ thông tin; đồng thời, làm rõ các loại hình dịch vụ cũng như phù hợp với thực tế triển khai các dịch vụ về hoá đơn điện tử khi thực hiện quy định.

(5) Cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử

Tại Luật QLT năm 2010 mới chỉ quy định về cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử, chưa có quy định về cơ sở dữ liệu về chứng từ điện tử trong đó có chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nội dung quy định chứng từ điện tử và quy định hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý dữ liệu về hoá đơn, chứng từ điện tử; quy định về thành phần dữ liệu, phương thức truyền nhận hóa đơn, chứng từ điện tử để thống nhất với quy định về xây dựng hệ thống công nghệ thông tin và phù hợp với thực tế triển khai hoá đơn điện tử; bao quát đầy đủ phạm vi sử dụng hóa đơn điện tử của các cơ quan nhà nước, gồm: (1) thực hiện kiểm tra hàng hóa lưu thông trên thị trường (ví dụ cơ quan quản lý thị trường) và (2) thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ cơ quan công an tra cứu hóa đơn điện tử để thực hiện thủ tục cấp đăng ký, biển số xe).

(6) Chứng từ điện tử

Luật QLT năm 2019 quy định về chứng từ điện tử nhưng chưa có quy định về việc bắt buộc sử dụng chứng từ điện tử như đối với hóa đơn điện tử và cung cấp cho cơ quan thuế. Hiện nay, trong công tác hoàn thuế thu nhập cá nhân thì các chứng từ khấu trừ, xác nhận thu nhập đang được sử dụng bằng bản giấy dẫn đến khó khăn trong công tác đối chiếu, xử lý. Do đó, đề xuất xem xét quy định phải sử dụng chứng từ điện tử đối với các tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập để cơ quan thuế quản lý và giải quyết hoàn thuế thu nhập cá nhân cho người nộp thuế (từ đó,

cơ quan thuế tại nơi làm việc hay nơi cư trú của người nộp thuế cũng có thể tra cứu và giải quyết hồ sơ hoàn thuế, giảm thiểu lượng hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân tập trung tại một số cơ quan thuế như hiện nay). Đồng thời, nghiên cứu bổ sung cụm từ “tổ chức khác” để bao quát đầy đủ cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao nhiệm vụ thu Ngân sách nhà nước; đồng thời bổ sung quy định tổ chức chi trả thu nhập hoặc Tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế thực hiện cấp chứng từ điện tử cho người nộp thuế và kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

3.2.11. Hoàn thiện quy định về thông tin người nộp thuế

(1) Về hệ thống thông tin người nộp thuế

Luật QLT năm 2019 chưa bao quát đầy đủ thông tin về người nộp thuế và các thông tin có liên quan phục vụ công tác quản lý thuế đã được quy định tại các điều khoản khác của Luật. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để bao quát đầy đủ thông tin về người nộp thuế và các thông tin có liên quan phục vụ công tác quản lý thuế.

(2) Về xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin người nộp thuế

Luật QLT năm 2019 quy định cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý và phát triển cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của hệ thống thông tin người nộp thuế, hệ thống thông tin quản lý thuế; tổ chức đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích thông tin và dự báo, quản lý cơ sở dữ liệu và bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống. Tuy nhiên, quy định này cần được điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa về hệ thống thông tin người nộp thuế và lồng ghép với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 theo hướng quy định cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tổ chức xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ thu thập, xử lý, kết nối dữ liệu và quản lý hệ thống thông tin người nộp thuế. Đồng thời, lồng ghép các nội dung về cơ sở dữ liệu người nộp thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tận dụng hạ tầng sẵn có, tiết kiệm ngân sách nhà nước theo Đề án 06.

(3) Về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin

Luật QLT năm 2019 chưa có quy định rõ ràng về trách nhiệm của người nộp thuế khi phát hiện thông tin do cơ quan thuế cung cấp có sai khác với thông tin theo dõi của mình. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung Luật QLT năm 2019 quy định trường hợp người nộp thuế phát hiện thông tin do cơ quan thuế cung cấp có sai khác với thông tin theo dõi của người nộp thuế thì phải thực hiện thủ tục tra soát, điều chỉnh thông tin theo quy định và giao Bộ Tài chính quy định chi tiết về vấn đề này.

(4) Về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế

Trong bối cảnh triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia” và sự phát triển của thương mại điện tử, cần bổ sung một số quy định mới để vừa giảm thủ tục

hành chính vừa tạo thuận lợi cho người nộp thuế. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế cho phù hợp, nghiên cứu sửa đổi các quy định về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công liên quan đến thuế bằng tài khoản định danh cá nhân.

(5) Về bảo mật thông tin người nộp thuế

Luật QLT năm 2019 chưa quy định rõ căn cứ để cơ quan thuế cung cấp thông tin người nộp thuế cho các cơ quan tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Chưa bao gồm các hoạt động trao đổi thông tin theo Hiệp định thuế giữa cơ quan thuế các nước ký kết hoặc phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước của cơ quan quản lý khác. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(6) Về công khai thông tin người nộp thuế

Luật QLT năm 2019 quy định cơ quan quản lý thuế được công khai thông tin người nộp thuế trong một số trường hợp tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về cung cấp thông tin cho chính người nộp thuế. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung Luật QLT năm 2019 quy định về cung cấp thông tin cho người nộp thuế.

3.2.12. Hoàn thiện quy định về kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, làm thủ tục hải quan

(1) Về tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế

Các cơ quan thuế đã được thay đổi tên gọi vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi Luật QLT năm 2019 để cập nhật tên gọi Cục Thuế cho phù hợp với cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp bộ máy.

(2) Về điều kiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế

Luật QLT năm 2019 quy định điều kiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế là doanh nghiệp đã được thành lập theo quy định của pháp luật, có ít nhất 02 người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, làm việc toàn thời gian tại doanh nghiệp. Quy định này chưa đủ chặt chẽ và phù hợp với thực tiễn, đặc biệt trong trường hợp đại lý thuế cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019

(3) Về cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế

Luật QLT năm 2019 quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế và Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế cho doanh nghiệp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan thuế và xu hướng số hóa thủ tục hành chính.

(4) Về chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế

Luật QLT năm 2019 quy định những người không được làm nhân viên đại lý thuế tuy nhiên, trên thực tế một số cá nhân thuộc diện không được làm nhân

viên đại lý thuế vẫn được cấp chứng chỉ, dẫn đến khó khăn trong việc kiểm soát liệu họ có hành nghề hay không. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi Luật QLT năm 2019 nhằm bao quát đầy đủ các trường hợp trong thực tế phát sinh và tăng cường hiệu quả kiểm soát.

3.2.13. Tăng cường chức năng kiểm tra thuế; Áp dụng cơ chế rủi ro trong quản lý thuế; Quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

(1) Về chức năng thanh tra thuế sau sắp xếp tinh gọn bộ máy

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 về sắp xếp tổ chức bộ máy và Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/03/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, cần thiết phải rà soát các quy định về chức năng thanh tra thuế để chuyển sang nội dung kiểm tra giá chuyển nhượng sửa đổi phù hợp với cam kết và thông lệ quốc tế trong đó nêu rõ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời gian, điều kiện tiến hành các cuộc kiểm tra giá chuyển nhượng cho phù hợp với Luật Thanh tra đang được sửa đổi, bổ sung theo Kết luận của Bộ Chính trị.

(2) Về kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 quy định kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế, nhưng chưa bao quát hết các trường hợp kiểm tra thuế của cơ quan hải quan và chưa có quy định về kiểm tra hóa đơn điện tử. Việc kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan hải quan được thực hiện trước thông quan, trong thông quan, sau thông quan, nhưng quy định hiện hành chưa phản ánh đầy đủ các trường hợp này. Cơ quan thuế áp dụng quản lý rủi ro trong nhiều hoạt động, bao gồm kiểm soát, quản lý rủi ro và khai thác dữ liệu hóa đơn điện tử, nhưng Luật Quản lý thuế chưa quy định rõ về kiểm tra hóa đơn điện tử. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế.

(3) Về kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế

Luật QLT năm 2019 quy định trường hợp kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế, nhưng còn một số bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn: Quy định kiểm tra thuế trong trường hợp “chuyển địa điểm kinh doanh” chưa thật sự hiệu quả, vì trên thực tế các doanh nghiệp thường xuyên thay đổi địa chỉ là các doanh nghiệp mua bán hóa đơn, trong khi doanh nghiệp chuyển địa điểm vì lý do kinh doanh chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Chưa quy định rõ về việc thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế của cơ quan hải quan. Chưa có quy định về tạm dừng, tạm hoãn cuộc kiểm tra, là thực tế khách quan có thể xảy ra trong quá trình thực hiện kiểm tra. Thời hạn kiểm tra thuế hiện nay còn ngắn, chưa phù hợp với việc phải kiểm tra các nội dung phức tạp như: kiểm tra các tập đoàn đa quốc gia, các giao dịch xuyên biên giới, các vấn đề thuế quốc tế (chuyển nhượng vốn gián tiếp, giá chuyển nhượng..). Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế.

(4) Về nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động kiểm tra thuế

Luật QLT năm 2019 chưa quy định rõ nhiệm vụ quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế. Chưa quy định nhiệm vụ quyền hạn của trưởng đoàn kiểm tra thuế. Chưa quy định về kiểm tra lại khi phát sinh các trường hợp có vi phạm

ng nghiêm trọng trong quá trình kiểm tra thuế. Chưa quy định về việc kiểm tra thực hiện chính sách thuế và thu khác đối với các cơ quan quản lý thuế và tổ chức liên quan. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(5) Về các biện pháp xử lý hành vi trốn thuế

Kể từ ngày 01/7/2022, hệ thống hóa đơn điện tử được triển khai trên toàn quốc, cơ quan thuế đã xây dựng được “cơ sở dữ liệu lớn” từ thông tin thu thập được từ các giao dịch mua bán trên hóa đơn điện tử, thông tin đăng ký thuế, kê khai, nghĩa vụ thuế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, cùng sự kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06/CP, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, sàn thương mại điện tử, ngân hàng thương mại và các cơ quan có liên quan. Trên cơ sở đó, cơ quan Thuế đã áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, cùng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) và máy học (ML), từ đó giám sát chặt chẽ, kịp thời phát hiện, nhận diện chính xác thông tin về doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh có các hành vi vi phạm pháp luật về thuế và hóa đơn, cụ thể như: không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký; tạm nghỉ kinh doanh, chấm dứt hoạt động nhưng không thực hiện khai báo hoặc chưa hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến ngừng hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Quản lý thuế.

Trên cơ sở dữ liệu, thông tin của cơ quan Thuế đã được đối chiếu, xác thực với dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06/CP, cùng sự hỗ trợ của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan Công an và các cơ quan liên quan, đến nay cơ quan thuế về cơ bản đã xác định đầy đủ danh tính, cùng các thông tin liên quan về chủ, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, cá nhân đại diện cho hộ kinh doanh chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật đối với số tiền thuế trốn, số tiền thuế nợ và các hành vi vi phạm nêu trên.

Cơ quan Thuế đã và đang tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế theo tính chất, mức độ hành vi vi phạm, cụ thể như: (i) đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh... theo quy định; (ii) đề nghị Cục quản lý xuất nhập cảnh tạm hoãn xuất cảnh đối với người đại diện pháp luật, cá nhân kinh doanh, đại diện hộ kinh doanh còn nợ thuế; (iii) đặc biệt phối hợp với cơ quan Công an điều tra, khởi tố nhiều hồ sơ, vụ án vi phạm pháp luật hình sự liên quan đến doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh. Nhiều đối tượng lợi dụng việc thành lập doanh nghiệp để mua bán hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn nhằm trục lợi ngân sách nhà nước đã bị khởi tố, xét xử, tuyên án.

Luật QLT năm 2019 quy định ba biện pháp nghiệp vụ để xử lý hành vi trốn thuế, bao gồm: thu thập thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế (Điều 121), tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế (Điều 122), và khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế (Điều 123).

Tuy nhiên, các biện pháp này hiện được quy định chủ yếu cho hoạt động thanh tra thuế, chưa quy định cho kiểm tra thuế. Do đó, khi bỏ chức năng thanh tra thuế chuyên ngành thì cần bổ sung quyền hạn, biện pháp nghiệp vụ tương tự cho hoạt động kiểm tra thuế để xử lý hiệu quả các hành vi có dấu hiệu trốn thuế

như các biện pháp nghiệp vụ đã quy định cho hoạt động thanh tra thuế. Ngoài ra, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong lĩnh vực thuế còn nhiều bất cập:

- Cơ quan thuế có thẩm quyền hạn chế: không có quyền kiểm tra, khám xét đột xuất; không có quyền điều tra, thẩm vấn để xác minh dấu hiệu tội phạm.

- Việc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để xử lý chưa thực sự hiệu quả: số lượng vụ việc được khởi tố ít, tiến độ điều tra chậm, thời gian xử lý kéo dài.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để có chế tài và công cụ kiểm soát thu thuế, có hình thức phạt nặng đối với các hành vi trốn thuế, gian lận thuế. Các biện pháp này sẽ giúp tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế khi cơ quan thuế không còn chức năng thanh tra theo định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy mới.

3.2.14. Hoàn thiện các quy định về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

(1) Về trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 chưa quy định rõ “tiền thuế nợ” bao gồm các loại tiền nào, gây khó khăn trong thực hiện. Đối với trường hợp cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu, nên khi ấn định thuế có nhiều tờ khai đã quá thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, gây khó khăn trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế. Quy định hiện hành chỉ cho phép nộp dần tiền thuế nợ trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày bắt đầu của thời hạn cưỡng chế thuế. Quy định này chưa phù hợp với thực tế, vì nhiều doanh nghiệp đã ngừng hoạt động kinh doanh, nợ thuế đã quá hạn cưỡng chế từ lâu, khi muốn quay lại sản xuất kinh doanh không thể nộp ngay tiền thuế nợ. Chưa có quy định dẫn chiếu về việc không áp dụng biện pháp dùng làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 131 Luật Quản lý thuế. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(2) Về biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 quy định bảy biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã phát sinh một số vướng mắc: Đối với biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế, chưa quy định bao gồm các Công ty chứng khoán là nơi người nộp thuế có thể gửi tiền khi tham gia hoạt động đầu tư chứng khoán. Chưa quy định đầy đủ các trường hợp chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế, đặc biệt trường hợp doanh nghiệp được xóa nợ thuế. Chưa bao quát hết các loại giấy tờ đối với biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(3) Về thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 quy định thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế tuy nhiên chưa quy định về việc sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định cưỡng chế, trong khi thực tế phát sinh trường hợp cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định

cưỡng chế nhằm lẫn, bị khiếu nại hoặc do sai sót. Quy định về việc giao quyền cho cấp phó còn hạn chế, chỉ trong trường hợp cấp trưởng vắng mặt, trong khi Luật xử lý vi phạm hành chính đã được sửa đổi theo hướng mở rộng việc giao quyền. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(4) Về quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 quy định nội dung và hiệu lực của quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế. Theo quy định hiện nay, quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ban hành; trường hợp cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản thì có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành. Tuy nhiên, hiện nay các quyết định cưỡng chế/phong tỏa tài khoản được gửi đến các ngân hàng thương mại qua đường bưu chính, không đảm bảo nhận ngay trong ngày ban hành. Trong nhiều trường hợp, người nộp thuế khi biết thông tin bị cưỡng chế tài khoản đã rút tiền hoặc mở tài khoản mới để giao dịch, làm giảm hiệu quả của biện pháp cưỡng chế. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(5) Về các biện pháp cưỡng chế cụ thể

Luật QLT năm 2019 quy định cụ thể từng biện pháp cưỡng chế, tuy nhiên trong quá trình thực hiện đã bộc lộ một số bất cập như đối với cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản: Chưa quy định bao gồm các công ty chứng khoán nơi người nộp thuế có thể gửi tiền; Quy định hiện hành chưa đảm bảo hiệu quả vì người nộp thuế có thể rút tiền trong khoảng thời gian từ khi ngân hàng cung cấp thông tin đến khi cơ quan thuế ban hành quyết định cưỡng chế. Đối với cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập: Cần rà soát, chỉnh sửa cụm từ “tài khoản ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước” thành “tài khoản nộp ngân sách nhà nước mở tại Kho bạc Nhà nước” tại điểm a khoản 3 Điều 130 để đảm bảo tính chính xác. Đối với cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn: Quy định về việc công khai trên phương tiện thông tin đại chúng không khả thi do số lượng thực hiện lớn, tốn kém chi phí và nguồn nhân lực. Vì vậy, cần sửa đổi khoản 1 Điều 132 theo hướng chỉ yêu cầu công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế. Đối với cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên: Biện pháp này gặp nhiều khó khăn trong thực hiện do thiếu thông tin về tài sản, khó đánh giá giá trị tài sản, liên quan đến nhiều bộ luật và cần sự tham gia của nhiều cơ quan chức năng khác. Cần sửa đổi khoản 2 Điều 133 theo hướng quy định rõ giá trị tài sản bị kê biên tương đương với số tiền thuế nợ và chi phí tổ chức thi hành cưỡng chế, bao gồm tất cả các khoản tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp. Đối với cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang giữ: biện pháp này khó thực hiện do bên thứ ba không cung cấp thông tin, không đồng ý về khoản công nợ. Cần bổ sung quy định về chế tài xử phạt đối với bên thứ ba không cung cấp thông tin hoặc cung cấp không đầy đủ, và sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 134 để quy định rõ trách nhiệm của bên thứ ba. Đối với cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy phép liên quan: Cần bổ sung các loại giấy tờ tại tên Điều 135 và khoản 1 Điều 135 như giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng

nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để bao quát đầy đủ các loại giấy phép kinh doanh của người nộp thuế.

3.2.15. Sửa đổi quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế để đảm bảo đồng bộ với pháp luật mới ban hành có liên quan

(1) Về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 quy định về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế, tuy nhiên còn một số bất cập:

- Khoản 2 Điều 136 có quy định về vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn, nhưng chưa có sự đồng nhất về quy định xử phạt giữa Luật QLT năm 2019, Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.

- Trong thực tế, một hành vi như bán hàng không lập hóa đơn dẫn đến thiếu thuế, có thể bị xử lý vi phạm về thuế theo Luật QLT năm 2019 mà không xử lý vi phạm về hành vi hóa đơn, nhưng theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP thì người nộp thuế vừa bị xử phạt về hành vi trốn thuế và vừa bị xử phạt về hành vi về sử dụng hóa đơn.

- Hiện nay, người nộp thuế thực hiện nộp hồ sơ khai thuế điện tử qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, nhận được thông báo tiếp nhận và thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử, nhưng chưa có quy định sử dụng thông báo này như biên bản vi phạm hành chính.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(2) Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế thuộc về thủ trưởng cơ quan quản lý thuế, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan. Tuy nhiên, do việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy của các cơ quan hải quan, cần phải sửa đổi tên gọi cơ quan hải quan và thẩm quyền cho phù hợp với mô hình sau sắp xếp.

(3) Về miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế

Luật QLT năm 2019 quy định miễn tiền phạt cho người nộp thuế bị phạt tiền mà bị thiệt hại trong trường hợp bất khả kháng. Tuy nhiên, Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính đã có quy định rộng hơn về hoãn thi hành quyết định phạt tiền, giảm tiền phạt vi phạm hành chính cho tổ chức, cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn mà không nhất thiết phải gắn với thiệt hại về tài sản, hàng hóa.

Cần nghiên cứu sửa đổi khoản 1 Điều 140 Luật QLT năm 2019 để hài hòa với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, theo đó người nộp thuế bị phạt tiền do vi phạm hành chính về quản lý thuế mà gặp khó khăn về kinh tế theo quy định tại Điều 76, Điều 77 của Luật Xử lý vi phạm hành chính sẽ được hoãn thi hành quyết định phạt tiền, miễn, giảm tiền phạt. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khả thi, cần không chế mức miễn, giảm tiền phạt không quá giá trị thiệt hại về tài sản, hàng hóa, chi phí phát sinh do tai nạn, mắc bệnh hiểm nghèo.

(4) Về hành vi vi phạm thủ tục thuế

Luật QLT năm 2019 chưa có quy định miễn xử phạt khi người nộp thuế chậm thực hiện thủ tục thuế bằng phương thức điện tử do sự cố kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan thuế. Quy định về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán chưa rõ ràng. Quy định hiện hành có thể được hiểu là không xử phạt đối với tất cả các hành vi vi phạm thủ tục thuế, không chỉ giới hạn ở vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(5) Về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp

Luật QLT năm 2019 chưa có quy định giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết các hành vi vi phạm để đáp ứng yêu cầu thay đổi liên tục của chính sách thuế. Chưa có quy định rõ về thời điểm cơ quan thuế phát hiện vi phạm không qua thanh tra, kiểm tra. Chưa quy định rõ về hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm dẫn đến khai sai làm thiếu số tiền thuế. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

(6) Về hành vi trốn thuế

Luật QLT năm 2019 chưa có quy định về tình tiết để chuyển xử phạt từ hành vi trốn thuế sang hành vi khai sai. Chưa có quy định miễn xử phạt về hành vi trốn thuế đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công đã bị khấu trừ thuế tại nguồn. Chưa quy định rõ các biện pháp xử phạt đối với trường hợp người nộp thuế bỏ khỏi địa chỉ kinh doanh nhưng vẫn nợ thuế. Một số hành vi trốn thuế cần được định nghĩa rõ hơn. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019. Theo đó, nghiên cứu bổ sung quy định giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết hành vi vi phạm tại Điều 143 Hành vi trốn thuế để thống nhất với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và đảm bảo cơ sở pháp lý khi thực hiện. Bổ sung chế tài xử phạt bằng biện pháp thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện đúng quy định về hóa đơn điện tử (giải pháp này cần phải thực hiện đồng bộ và phải nghiên cứu bổ sung tại Luật kinh doanh cá thể sẽ được nghiên cứu, xây dựng theo định hướng trong Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân).

3.2.16. Sửa đổi quy định về khiếu nại, tố cáo, khởi kiện để phù hợp, thống nhất với Luật khiếu nại, đảm bảo quyền khiếu nại của người nộp thuế

(1) Về trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế

Luật QLT năm 2019 quy định tại Điều 149 về trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế. Theo đó, đối với vụ việc khiếu nại phức tạp, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế thực hiện tham vấn các cơ quan, tổ chức có liên quan thông qua việc thành lập Hội đồng tham vấn. Tuy nhiên, quy định này có sự không thống nhất với Luật Khiếu nại, cụ thể:

- Luật Khiếu nại không đề cập đến phạm trù “Tham vấn”, mà chỉ đề cập đến “Hội đồng tư vấn” với vai trò chức năng tương tự.
- Có sự khác biệt giữa Hội đồng tham vấn quy định tại Luật Quản lý thuế

và Hội đồng tư vấn quy định tại Luật Khiếu nại:

+ Hội đồng tham vấn theo Luật Quản lý thuế được áp dụng cho cả khiếu nại lần đầu và hoạt động theo nguyên tắc biểu quyết theo đa số.

+ Hội đồng tư vấn theo Luật Khiếu nại chỉ được thành lập trong giải quyết khiếu nại lần hai, và người giải quyết khiếu nại chỉ tham khảo ý kiến của Hội đồng này.

Sự khác biệt này có thể gây khó khăn và thiếu thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực thuế. Đồng thời, Luật Quản lý thuế hiện hành chưa có định nghĩa cụ thể về “tham vấn trong giải quyết khiếu nại” và chưa giao thẩm quyền quy định chi tiết về vấn đề này.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019.

3.2.17. Các quy định về điều khoản thi hành

(1) Về hiệu lực thi hành

Luật Quản lý thuế đã quy định về phòng, chống trốn thuế tại Chương XIII. Để triển khai hiệu quả, cơ quan thuế cần có lộ trình chuẩn bị các điều kiện cần thiết như xây dựng lực lượng, hoàn thiện tổ chức bộ máy, kiến nghị sửa đổi các Luật có liên quan. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung Luật Quản lý thuế quy định về hiệu lực thi hành áp dụng các quy định phòng, chống trốn thuế tại Chương XIII của Luật, bao gồm lộ trình chuẩn bị các điều kiện cần thiết.

(2) Về điều khoản chuyển tiếp

Luật QLT năm 2019 quy định tại Điều 83 về các trường hợp được khoan tiền thuế nợ và tại Điều 85 về các trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt. Theo đó, một trong các trường hợp thuộc đối tượng xóa nợ là các khoản nợ tiền thuế mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các khoản nợ này đã quá 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế nhưng không có khả năng thu hồi.

Tuy nhiên, theo điều khoản chuyển tiếp tại Điều 152 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định:

- Đối với các khoản thuế được miễn, giảm, không thu, xóa nợ phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2020 thì tiếp tục xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung.

- Đối với các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 thì được xử lý theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định nêu trên.

Quy định này gây vướng mắc trong thực tiễn đối với các trường hợp doanh nghiệp nợ thuế quá hạn trên 10 năm phát sinh trước ngày 01/7/2020. Các doanh nghiệp này đã ngừng hoạt động, không kinh doanh tại địa chỉ đăng ký, đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép đầu tư thành lập liên doanh, và không còn khả năng hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước. Theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành, các trường hợp này đủ điều kiện xóa nợ. Tuy nhiên, do quy định tại Điều 152, các trường hợp này không đủ điều kiện để xóa nợ vì phải xử lý theo Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và các luật

sửa đổi.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để bao quát các trường hợp chưa được xử lý khoanh nợ, xóa nợ theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Nghị quyết số 94/2019/QH14, tạo điều kiện để cơ quan thuế giải quyết dứt điểm các khoản nợ thuế kéo dài không có khả năng thu hồi, góp phần minh bạch hóa công tác quản lý thuế.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua kết quả nghiên cứu, rà soát nêu trên, Chính phủ đề xuất sửa đổi toàn diện Luật Quản lý thuế năm 2019 và sẽ triển khai xây dựng dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) theo quy trình, thủ tục của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, giảm chi phí tuân thủ pháp luật thuế của người dân và doanh nghiệp; xây dựng cơ quan thuế Việt Nam hiện đại, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả, liêm chính, đủ năng lực để thực hiện và quản lý tốt các mục tiêu và nội dung cải cách hệ thống thuế đã đề ra.

Chính phủ báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định về việc nghiên cứu, sửa đổi toàn diện dự án Luật Quản lý thuế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Phạm Minh Chính;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban KT&TC của Quốc hội;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính (Vụ TH, Vụ PC, CT)
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công
- TTĐT, các Vụ: PL, QHĐP, TH;
- Lưu: VT, Vụ KTTH

32

TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH



Nguyễn Văn Thắng